BẢNG SO SÁNH CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT THEO THÔNG TƯ SỐ 26/2024/TT-BTNMT VÀ THÔNG TƯ SỐ 14/2017/TT-BTNMT TỈNH TUYÊN QUANG

I. LƯỚI ĐỊA CHÍNH

*Bảng 1*

| **Thông tư 14/2017/TT-BTNMT ngày 20/7/2017** | | | | | **Dự thảo Định mức: Đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất 2024** | | | | | **So sánh** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc** | **Định biên** | **Khó khăn** | **Định mức** | **STT** | **Nội dung công việc** | **Định biên** | **Khó khăn** | **Định mức** |
| 1 | Chọn điểm,chôn mốc | Nhóm 4 (3KTV6 + 1NV3) | 1 | 1,46 | 1 | Chọn vị trí điểm, chôn mốc | Nhóm 4 (3KTV6 + 1NV3) | 1 | 1,46 | Đây là mục tương đương với mục 1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây. |
| 2,43 | 2,43 |
| 2 | 1,94 | 2 | 1,94 |
| 3,24 | 3,24 |
| 3 | 2,51 | 3 | 2,51 |
| 4,05 | 4,05 |
| 4 | 3,32 | 4 | 3,32 |
| 5,27 | 5,27 |
| 5 | 4,21 | 5 | 4,21 |
| 6,89 | 6,89 |
| 2 | Xây tường vây | Nhóm 4 (2KTV4 + 1KTV6 + 1NV3) | 1 | 1,35 | 2 | Xây tường vây | Nhóm 4 (2KTV4 + 1KTV6 + 1NV3) | 1 | 1,35 | Đây là mục tương đương với mục 2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây.. |
| 4,80 | 4,80 |
| 2 | 1,46 | 2 | 1,46 |
| 6,30 | 6,30 |
| 3 | 1,62 | 3 | 1,62 |
| 8,40 | 8,40 |
| 4 | 1,89 | 4 | 1,89 |
| 14,40 | 14,40 |
| 5 | 2,16 | 5 | 2,16 |
| 16,80 | 16,80 |
| 3 | Tiếp điểm (có tường vây) | Nhóm 4 (3KTV6 + 1NV3) | 1 | 0,27 | 3 | Tiếp điểm | Nhóm 4 (3KTV6 + 1NV3) | 1 | 0,27 | Đây là mục tương đương với mục 3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây. |
| 0,36 | 0,36 |
| 2 | 0,34 | 2 | 0,34 |
| 0,36 | 0,36 |
| 3 | 0,41 | 3 | 0,41 |
| 0,54 | 0,54 |
| 4 | 0,51 | 4 | 0,51 |
| 0,68 | 0,68 |
| 5 | 0,68 | 5 | 0,68 |
| 0,68 | 0,68 |
| 4 | Đo ngắm | Nhóm 5 (2KTV6 + 1KS2 + 1KS3 + 1NV3) | 1 | 0,67 | 4 | Đo ngắm | Nhóm 5 (2KTV6 + 1KS2 + 1KS3 + 1NV3) | 1 | 0,67 | Đây là mục tương đương với mục 4 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây. |
| 0,45 | 0,45 |
| 2 | 0,81 | 2 | 0,81 |
| 0,63 | 0,63 |
| 3 | 0,98 | 3 | 0,98 |
| 1,26 | 1,26 |
| 4 | 1,22 | 4 | 1,22 |
| 2,25 | 2,25 |
| 5 | 1,90 | 5 | 1,90 |
| 2,80 | 2,80 |
| 5 | Tính toán bình sai | Nhóm 2 (1KS2 + 1KS3) | 1-5 | 0,80 | 5 | Tính toán bình sai | Nhóm 2 (1KS2 + 1KS3) | 1-5 | 0,80 | Đây là mục tương đương với mục 5 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây. |
| 6 | Phục vụ KTNT | Nhóm 5 (2KTV6 + 1KS2 + 1KS3 + 1NV3) | 1-5 | 0,18 |  |  |  |  |  | Nội dung này đã được quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường nên không được tính định mức |

II. ĐO ĐẠC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

*Bảng 2*

| **THÔNG TƯ 14/2017/TT-BTNMT ngày 20 tháng 7 năm 2017** | | | | | | | | | | | **DỰ THẢO ĐỊNH MỨC: ĐO ĐẠC LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH, ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT, LẬP HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT NĂM 2024** | | | | | | | | | | | **So sánh** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc** | **ĐVT** | **Định biên** | **Khó khăn** | **Định mức** | | | | | | **STT** | **Nội dung công việc** | **ĐVT** | **Định biên** | **Khó khăn** | **Định mức** | | | | | |  |
| Tỷ lệ 1/200 | Tỷ lệ 1/500 | Tỷ lệ 1/1000 | Tỷ lệ 1/2000 | Tỷ lệ 1/5000 | Tỷ lệ 1/10000 | Tỷ lệ 1/200 | Tỷ lệ 1/500 | Tỷ lệ 1/1000 | Tỷ lệ 1/2000 | Tỷ lệ 1/5000 | Tỷ lệ 1/10000 |  |
| **I.1** | **Ngoại nghiệp** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** | **Ngoại nghiệp** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Công tác chuẩn bị | Mảnh | Nhóm 4 (1KTV4 + 2KTV6 + 1KTV10) | 1-5 | 0,32 | 1,02 | 2,03 | 4,5 | 22,28 | 40,5 | 1.1 | Công tác chuẩn bị | Mảnh | Nhóm 4 (1KTV4 + 2KTV6 + 1KTV10) | 1-5 | 0,32 | 1,02 | 2,03 | 4,5 | 22,28 | 40,5 | Đây là mục tương đương với mục 1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây. |
| 0,2 | 0,62 | 1,24 | 2,75 | 13,62 | 24,75 | 0,2 | 0,62 | 1,24 | 2,75 | 13,62 | 24,75 |
| 1.2 | Lưới đo vẽ | Mảnh | Nhóm 5 (2KTV4 + 2KTV6 + 1KTV10) | 1 | 1,76 | 2,34 | 2,81 | 3,73 | 12,33 | 22,42 | 1.2 | Lập lưới khống chế đo vẽ | Mảnh | Nhóm 5 (2KTV4 + 2KTV6 + 1KTV10) | 1 | 1,76 | 2,34 | 2,81 | 3,73 | 12,33 | 22,42 | Đây là mục tương đương với mục 1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây. |
| 2 | 1,97 | 2,81 | 3,37 | 4,48 | 14,8 | 26,9 | 2 | 1,97 | 2,81 | 3,37 | 4,48 | 14,8 | 26,9 |
| 3 | 2,17 | 3,37 | 4,04 | 5,38 | 17,75 | 32,28 | 3 | 2,17 | 3,37 | 4,04 | 5,38 | 17,75 | 32,28 |
| 4 | 2,43 | 4,04 | 4,85 | 6,45 | 21,31 | 38,74 | 4 | 2,43 | 4,04 | 4,85 | 6,45 | 21,31 | 38,74 |
| 5 |  | 4,84 | 5,81 | 7,75 |  |  | 5 |  | 4,84 | 5,81 | 7,75 |  |  |
| 1.3 | Xác định ranh giới thửa đất | Mảnh | Nhóm 2KTV6 | 1 | 9,26 | 19,62 | 18 | 30 | 82,5 | 187,5 | 1.3 | Xác định ranh giới thửa đất trên thực địa | Mảnh | Nhóm 2KTV6 | 1 | 9,26 | 19,62 | 18 | 30 | 82,5 | 187,5 | Đây là mục tương đương với mục 1.3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây. |
| 9,26 | 19,62 | 18 | 30 | 82,5 | 187,5 | 9,26 | 19,62 | 18 | 30 | 82,5 | 187,5 |
| 2 | 11,11 | 23,54 | 21,6 | 36 | 99 | 225 | 2 | 11,11 | 23,54 | 21,6 | 36 | 99 | 225 |
| 11,11 | 23,54 | 21,6 | 36 | 99 | 225 | 11,11 | 23,54 | 21,6 | 36 | 99 | 225 |
| 3 | 12,91 | 28,25 | 33,44 | 43,2 | 118,8 | 270 | 3 | 12,91 | 28,25 | 33,44 | 43,2 | 118,8 | 270 |
| 12,91 | 28,25 | 33,44 | 43,2 | 118,8 | 270 | 12,91 | 28,25 | 33,44 | 43,2 | 118,8 | 270 |
| 4 | 14,67 | 33,9 | 52,3 | 58,32 | 142,56 | 324 | 4 | 14,67 | 33,9 | 52,3 | 58,32 | 142,56 | 324 |
| 14,67 | 33,9 | 52,3 | 58,32 | 142,56 | 324 | 14,67 | 33,9 | 52,3 | 58,32 | 142,56 | 324 |
| 5 |  | 40,68 | 70,61 | 78,73 |  |  | 5 |  | 40,68 | 70,61 | 78,73 |  |  |
|  | 40,68 | 70,61 | 78,73 |  |  |  | 40,68 | 70,61 | 78,73 |  |  |
| 1.4 | Đo vẽ chi tiết | Mảnh | Nhóm 5 (2KTV4 + 2KTV6 + 1KTV10) | 1 | 5,96 | 7,75 | 12,35 | 23,75 | 76,98 | 139,95 | 1.4 | Đo đạc ranh giới thửa đất và các đối tượng địa lý có liên quan | Mảnh | Nhóm 5 (2KTV4 + 2KTV6 + 1KTV10) | 1 | 5,96 | 7,75 | 12,35 | 23,75 | 76,98 | 139,95 | Đây là mục tương đương với mục 1.4 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây. |
| 2,98 | 3,72 | 4,94 | 9,5 | 30,8 | 56 | 2,98 | 3,72 | 4,94 | 9,5 | 30,8 | 56 |
| 2 | 7,16 | 9,3 | 14,81 | 27,99 | 92,37 | 167,94 | 2 | 7,16 | 9,3 | 14,81 | 27,99 | 92,37 | 167,94 |
| 3,57 | 4,65 | 5,93 | 11,2 | 36,96 | 67,2 | 3,57 | 4,65 | 5,93 | 11,2 | 36,96 | 67,2 |
| 3 | 8,59 | 11,16 | 17,78 | 33,08 | 110,84 | 201,53 | 3 | 8,59 | 11,16 | 17,78 | 33,08 | 110,84 | 201,53 |
| 4,29 | 5,58 | 7,12 | 13,23 | 44,35 | 80,64 | 4,29 | 5,58 | 7,12 | 13,23 | 44,35 | 80,64 |
| 4 | 10,31 | 13,39 | 22,76 | 43 | 133,01 | 241,83 | 4 | 10,31 | 13,39 | 22,76 | 43 | 133,01 | 241,83 |
| 5,15 | 6,7 | 11,39 | 21,5 | 53,22 | 96,77 | 5,15 | 6,7 | 11,39 | 21,5 | 53,22 | 96,77 |
| 5 |  | 16,07 | 27,32 | 55,9 |  |  | 5 |  | 16,07 | 27,32 | 55,9 |  |  |
|  | 8,04 | 13,66 | 27,95 |  |  |  | 8,04 | 13,66 | 27,95 |  |  |
| 1.5 | Đối soát, kiểm tra | Mảnh | 1KTV6 | 1 | 0,9 | 2,27 | 5,73 | 9,73 | 26,29 | 59,74 | 1.5 | Đối soát, kiểm tra | Mảnh | 1KTV6 | 1 | 0,9 | 2,27 | 5,73 | 9,73 | 26,29 | 59,74 | Đây là mục tương đương với mục 1.5 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây. |
| 0,59 | 1,48 | 2,3 | 3,89 | 10,52 | 23,91 | 0,59 | 1,48 | 2,3 | 3,89 | 10,52 | 23,91 |
| 2 | 1,1 | 2,84 | 6,89 | 11,47 | 31,55 | 71,69 | 2 | 1,1 | 2,84 | 6,89 | 11,47 | 31,55 | 71,69 |
| 0,71 | 1,85 | 2,75 | 4,59 | 12,63 | 28,69 | 0,71 | 1,85 | 2,75 | 4,59 | 12,63 | 28,69 |
| 3 | 1,35 | 3,85 | 8,26 | 13,55 | 37,85 | 86,03 | 3 | 1,35 | 3,85 | 8,26 | 13,55 | 37,85 | 86,03 |
| 0,88 | 2,5 | 3,3 | 5,42 | 15,15 | 34,43 | 0,88 | 2,5 | 3,3 | 5,42 | 15,15 | 34,43 |
| 4 | 1,71 | 5,22 | 12,47 | 20,77 | 45,42 | 103,23 | 4 | 1,71 | 5,22 | 12,47 | 20,77 | 45,42 | 103,23 |
| 1,06 | 3,39 | 8,1 | 13,5 | 18,17 | 41,31 | 1,06 | 3,39 | 8,1 | 13,5 | 18,17 | 41,31 |
| 5 |  | 6,59 | 14,96 | 33,24 |  |  | 5 |  | 6,59 | 14,96 | 33,24 |  |  |
|  | 4,28 | 9,72 | 21,6 |  |  |  | 4,28 | 9,72 | 21,6 |  |  |
| 1.6 | Giao nhận kết quả đo đạc địa chính với chủ sử dụng đất | Mảnh | 1KTV6 | 1 | 4,12 | 7,01 | 8,51 | 14,19 | 46,01 | 83,65 | 1.6 | Giao nhận Phiếu kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất | Mảnh | 1KTV6 | 1 | 4,12 | 7,01 | 8,51 | 14,19 | 46,01 | 83,65 | Đây là mục tương đương với mục 1.6 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây. |
| 4,12 | 7,01 | 8,51 | 14,19 | 46,01 | 83,65 | 4,12 | 7,01 | 8,51 | 14,19 | 46,01 | 83,65 |
| 2 | 4,95 | 8,42 | 10,04 | 16,73 | 55,21 | 100,38 | 2 | 4,95 | 8,42 | 10,04 | 16,73 | 55,21 | 100,38 |
| 4,95 | 8,42 | 10,04 | 16,73 | 55,21 | 100,38 | 4,95 | 8,42 | 10,04 | 16,73 | 55,21 | 100,38 |
| 3 | 5,94 | 10,1 | 12,04 | 23,72 | 66,25 | 120,46 | 3 | 5,94 | 10,1 | 12,04 | 23,72 | 66,25 | 120,46 |
| 5,94 | 10,1 | 12,04 | 23,72 | 66,25 | 120,46 | 5,94 | 10,1 | 12,04 | 23,72 | 66,25 | 120,46 |
| 4 | 7,13 | 12,12 | 18,18 | 30,3 | 79,5 | 144,55 | 4 | 7,13 | 12,12 | 18,18 | 30,3 | 79,5 | 144,55 |
| 7,13 | 12,12 | 18,18 | 30,3 | 79,5 | 144,55 | 7,13 | 12,12 | 18,18 | 30,3 | 79,5 | 144,55 |
| 5 |  | 14,54 | 21,82 | 39,14 |  |  | 5 |  | 14,54 | 21,82 | 39,14 |  |  |
|  | 14,54 | 21,82 | 39,14 |  |  |  | 14,54 | 21,82 | 39,14 |  |  |
| 1.7 | Phục vụ KTNT |  | Nhóm 5 (2KTV4 + 2KTV6 + 1KTV10) | 1-5 | 1,46 | 3,81 | 4,36 | 5,94 | 31,54 | 57,34 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Nội dung này đã được quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường nên không được tính định mức |
| **II.1** | **Nội nghiệp** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **2** | **Nội nghiệp** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Vẽ bản đồ số | Mảnh | Nhóm 2KTV6 | 1 | 2,04 | 4,59 | 7,96 | 18,05 | 22,25 | 28,92 | 2,1 | Biên tập bản đồ địa chính | Mảnh | Nhóm 2KTV6 | 1 | 2,04 | 4,59 | 7,96 | 18,05 | 22,25 | 28,92 | Đây là mục tương đương với mục 1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây . |
| 2 | 2,47 | 5,61 | 9,95 | 21,66 | 30,04 | 39,05 | 2 | 2,47 | 5,61 | 9,95 | 21,66 | 30,04 | 39,05 |
| 3 | 2,86 | 6,63 | 12,44 | 26,00 | 40,55 | 52,72 | 3 | 2,86 | 6,63 | 12,44 | 26,00 | 40,55 | 52,72 |
| 4 | 3,54 | 7,99 | 15,55 | 20,83 | 54,74 | 71,16 | 4 | 3,54 | 7,99 | 15,55 | 20,83 | 54,74 | 71,16 |
| 5 |  | 9,61 | 19,44 | 26,05 |  |  | 5 |  | 9,61 | 19,44 | 26,05 |  |  |
| 2 | Nhập thông tin thửa đất | Mảnh | 1KTV6 | 1-5 | 1,96 | 6,19 | 14 | 19,6 | 25,48 | 21,56 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Đây là nội dung công việc được tính khi xây dựng Định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng CSDL đất đai Trong Thông tư 26/2024/TT-BTNMT không quy định bước này. |
| 3 | Lập sổ mục kê | Mảnh | 1KTV6 | 1-5 | 0,1 | 0,35 | 1,65 | 2,22 | 2 | 1,8 | 2,5 | Lập sổ mục kê đất đai phạm vi khu đo | Mảnh | 1KTV6 | 1-5 | 0,1 | 0,35 | 1,65 | 2,22 | 2 | 1,8 | Đây là mục tương đương với mục 2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 4 | Biên tập và in BĐĐC theo ĐVHC | Mảnh | 1KTV6 | 1-5 | 0,51 | 0,6 | 0,68 | 0,77 | 0,85 | 1,0 | 2,7 | In sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính gồm sản phẩm chính và sản phẩm trung gian | Mảnh | 1KTV6 | 1-5 | 0,51 | 0,6 | 0,68 | 0,77 | 0,85 | 1,0 | Đây là mục tương đương với mục 4 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 5 | Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2,3 | Công khai bản đồ địa chính |  | 1KTV6 | 1-5 | 11,00 | 11,00 | 11,00 | 11,00 | 11,00 | 11,00 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT. Qua công tác tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 11 công cho định biên 1KTV6 |
| 6 | Xây dựng dữ liệu không gian địa chính |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2,4 | Hoàn thiện bản đồ địa chính |  | 1KTV6 | 1-5 | 3,00 | 3,00 | 3,00 | 3,00 | 3,00 | 3,00 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT. Qua công tác tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 03 công cho định biên 1KTV6 |
| 7 | Lập kết quả đo đạc địa chính thửa đất | Mảnh | 1KTV6 | 1-5 | 1,72 | 7,54 | 15 | 22 | 19,8 | 29,7 | 2,2 | Lập Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất |  | 1KTV6 | 1-5 | 1,72 | 7,54 | 15 | 22 | 19,8 | 29,7 | Đây là mục tương đương với mục 7 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 8 | Phục vụ kiểm tra nghiệm thu | Mảnh | Nhóm 2KTV6 | 1-5 | 0,53 | 1,63 | 2,94 | 4,94 | 8,31 | 12,46 | 2,6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Nội dung này đã được quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường nên không được tính định mức |
| 9 | Lấy xác nhận hồ sơ | Mảnh | 1KTV6 | 1-5 | 0,4 | 0,6 | 0,8 | 1,1 | 1,7 | 2 | 2,8 | Trình ký xác nhận hồ sơ |  | 1KTV6 | 1-5 | 0,4 | 0,6 | 0,8 | 1,1 | 1,7 | 2 | Đây là mục tương đương với mục 9 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 10 | Giao nộp sản phẩm | Mảnh | Nhóm 2KTV6 | 1-5 | 0,1 | 0,63 | 0,85 | 1,27 | 1,7 | 2 | 2,9 | Giao nộp sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính |  | Nhóm 2KTV6 | 1-5 | 0,1 | 0,63 | 0,85 | 1,27 | 1,7 | 2 | Đây là mục tương đương với mục 10 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |

III. SỐ HÓA, CHUYỂN HỆ TỌA ĐỘ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

*Bảng 3*

| **THÔNG TƯ 14/2017/TT-BTNMT ngày 20 tháng 7 năm 2017** | | | | | | | | | **DỰ THẢO ĐỊNH MỨC: ĐO ĐẠC LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH, ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT, LẬP HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT NĂM 2024** | | | | | | | | | **So sánh** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc** | **ĐVT** | **Định biên** | **Khó khăn** | **Định mức** | | | | **STT** | **Nội dung công việc** | **ĐVT** | **Định biên** | **Khó khăn** | **Định mức** | | | |  |
| Tỷ lệ 1/500 | Tỷ lệ 1/1000 | Tỷ lệ 1/2000 | Tỷ lệ 1/5000 | Tỷ lệ 1/500 | Tỷ lệ 1/1000 | Tỷ lệ 1/2000 | Tỷ lệ 1/5000 |  |
| **I** | **Chi phí nhân công kỹ thuật** |  |  |  |  |  |  |  | **I** | **Chi phí nhân công kỹ thuật** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** | **Số hoá bản đồ địa chính** |  |  |  |  |  |  |  | **1** | **Số hoá bản đồ địa chính** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Quét tài liệu | Mảnh | 1KTV 6 | 1-5 | 0,40 | 0,40 | 0,40 | 0,40 | 1.1 | Quét tài liệu | Mảnh | 1KTV 6 | 1-5 | 0,40 | 0,40 | 0,40 | 0,40 | Đây là mục tương đương với mục 1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 1.2 | Số hoá nội dung bản đồ |  |  | 1 | 3,51 | 6,65 | 12,70 | 23,23 | 1.2 | Số hoá nội dung bản đồ |  |  | 1 | 3,51 | 6,65 | 12,70 | 23,23 | Đây là mục tương đương với mục 1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 2 | 4,03 | 7,65 | 14,61 | 26,71 |  |  |  |  | 2 | 4,03 | 7,65 | 14,61 | 26,71 |
| 3 | 4,64 | 8,80 | 16,80 | 30,72 |  |  |  |  | 3 | 4,64 | 8,80 | 16,80 | 30,72 |
| 4 | 5,34 | 10,12 | 19,32 | 35,33 |  |  |  |  | 4 | 5,34 | 10,12 | 19,32 | 35,33 |
| 5 | 6,14 | 11,64 | 22,22 |  |  |  |  |  | 5 | 6,14 | 11,64 | 22,22 |  |
| 1.3 | Biên tập nội dung bản đồ và in | Mảnh | 1KTV 6 | 1 | 0,51 | 0,60 | 0,68 | 0,77 | 1.3 | Biên tập nội dung bản đồ và in | Mảnh | 1KTV 6 | 1 | 0,51 | 0,60 | 0,68 | 0,77 | Đây là mục tương đương với mục 1.3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 1.4 | Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Đây là nội dung công việc được tính khi xây dựng Định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng CSDL đất đai Trong Thông tư 26/2024/TT-BTNMT không quy định bước này. |
| 1.5 | Xây dựng dữ liệu không gian địa chính |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Đây là nội dung công việc được tính khi xây dựng Định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng CSDL đất đai Trong Thông tư 26/2024/TT-BTNMT không quy định bước này. |
| 1.6 | Phục vụ KTNT |  | 1KTV 6 | 1-5 | 1,00 | 1,00 | 1,00 | 1,50 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Nội dung này đã được quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường nên không được tính định mức |
| 1.7 | Giao nộp sản phẩm |  | 1KTV 6 | 1-5 | 0,63 | 0,85 | 1,27 | 1,70 | 1,5 | Giao nộp sản phẩm |  | 1KTV 6 | 1-5 | 0,63 | 0,85 | 1,27 | 1,70 | Đây là mục tương đương với mục 1.7 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| **2** | **Chuyển hệ tọa độ BĐĐC dạng số từ hệ tọa độ HN-72 sang hệ tọa độ VN-2000** | | | | | | | | **2** | **Chuyển hệ tọa độ BĐĐC dạng số từ hệ tọa độ HN-72 sang hệ tọa độ VN-2000** | | | | | | | |  |
| 2.1 | Xác định toạ độ phục vụ nắn chuyển | Điểm | Nhóm 2 (1KS2+1KS3) | **1-5** | 1,0 | 1,0 | 1,0 | 1,0 | 2.1 | Xác định toạ độ phục vụ nắn chuyển | Điểm | Nhóm 2 (1KS2+1KS3) | **1-5** | 1,0 | 1,0 | 1,0 | 1,0 | Đây là mục tương đương với mục 2.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 2.2 | Chuyển đổi bản đồ số |  |  |  |  |  |  |  | 2.2 | Chuyển đổi bản đồ số |  |  |  |  |  |  |  | Đây là mục tương đương với mục 2.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 2.2.1 | Nắn chuyển | Mảnh | 1KTV 6 | 1 | 2,24 | 2,8 | 3,5 | 5,5 | 2.2.1 | Nắn chuyển | Mảnh | 1KTV 6 | 1 | 2,24 | 2,8 | 3,5 | 5,5 | Đây là mục tương đương với mục 2.2.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
|  | 2 | 2,56 | 3,2 | 4 | 6 |  | 2 | 2,56 | 3,2 | 4 | 6 |
|  | 3 | 2,88 | 3,6 | 4,5 | 6,5 |  | 3 | 2,88 | 3,6 | 4,5 | 6,5 |
|  | 4 | 3,2 | 4 | 5 | 7 |  | 4 | 3,2 | 4 | 5 | 7 |
|  | 5 | 3,68 | 4,6 | 5,75 |  |  | 5 | 3,68 | 4,6 | 5,75 |  |
| 2.2.2 | Tính lại và so sánh diện tích | Mảnh | 1KTV6 | 1-5 | 0,43 | 0,6 | 0,77 | 0,94 | 2.2.2 | Tính lại và so sánh diện tích | Mảnh | 1KTV6 | 1-5 | 0,43 | 0,6 | 0,77 | 0,94 | Đây là mục tương đương với mục 2.2.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 2.2.3 | Biên tập nội dung bản đồ và in | Mảnh | 1KTV6 | 1-5 | 0,51 | 0,6 | 0,68 | 0,77 | 2.2.3 | Biên tập nội dung bản đồ và in | Mảnh | 1KTV6 | 1-5 | 0,51 | 0,6 | 0,68 | 0,77 | Đây là mục tương đương với mục 2.2.3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT.Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 2.2.4 | Xây dựng dữ liệu không gian đất đai nền |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Đây là nội dung công việc được tính khi xây dựng Định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng CSDL đất đai Trong Thông tư 26/2024/TT-BTNMT không quy định bước này. |
| 2.2.5 | Xây dựng dữ liệu không gian địa chính |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Đây là nội dung công việc được tính khi xây dựng Định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng CSDL đất đai Trong Thông tư 26/2024/TT-BTNMT không quy định bước này. |
| 2.2.6 | Phục vụ KTNT | Mảnh | 1KTV6 | 1-5 | 1,00 | 1,00 | 1,00 | 1,50 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Nội dung này đã được quy định tại Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường nên không được tính định mức |
| 2.2.7 | Giao nộp sản phẩm | Mảnh | 1KTV6 | 1-5 | 0,63 | 0,85 | 1,27 | 1,70 | 2.2.5 | Giao nộp sản phẩm | Mảnh | 1KTV6 | 1-5 | 0,63 | 0,85 | 1,27 | 1,70 | Đây là mục tương đương với mục 2.2.7 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. .Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |

IV. ĐO ĐẠC CHỈNH LÝ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

*Bảng 4*

| **THÔNG TƯ 14/2017/TT-BTNMT ngày 20 tháng 7 năm 2017** | | | | | | | | | | **DỰ THẢO ĐỊNH MỨC: ĐO ĐẠC LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH, ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT, LẬP HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT NĂM 2024** | | | | | | | | | | **So sánh** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc** | **Định biên** | **Khó khăn** | **Định mức** | | | | | | **STT** | **Nội dung công việc** | **Định biên** | **Khó khăn** | **Định mức** | | | | | |
| Tỷ lệ 1/200 | Tỷ lệ 1/500 | Tỷ lệ 1/1000 | Tỷ lệ 1/2000 | Tỷ lệ 1/5000 | Tỷ lệ 1/10000 | Tỷ lệ 1/200 | Tỷ lệ 1/500 | Tỷ lệ 1/1000 | Tỷ lệ 1/2000 | Tỷ lệ 1/5000 | Tỷ lệ 1/10000 |
| **1** | **Ngoại nghiệp** |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** | **Ngoại nghiệp** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Đối soát thực địa công nhóm /mảnh) | Nhóm 2 (1KTV4 + 1KTV6) | 1 | 2,95 | 4,42 | 6,63 | 11,66 | 23,33 | 35 | 1.1 | Đối soát thực địa (công nhóm/mảnh) | Nhóm 2 (1KTV4 + 1KTV6) | 1 | 2,95 | 4,42 | 6,63 | 11,66 | 23,33 | 35 | Đây là mục tương đương với mục 1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. .Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 2 | 3,83 | 5,74 | 8,62 | 14 | 28 | 42 | 2 | 3,83 | 5,74 | 8,62 | 14 | 28 | 42 |
| 3 | 4,98 | 7,47 | 11,20 | 16,80 | 33,60 | 50,40 | 3 | 4,98 | 7,47 | 11,20 | 16,80 | 33,60 | 50,40 |
| 4 | 6,47 | 9,71 | 14,56 | 20,16 | 40,32 | 60,48 | 4 | 6,47 | 9,71 | 14,56 | 20,16 | 40,32 | 60,48 |
| 5 |  | 12,62 | 18,93 | 24,19 |  |  | 5 |  | 12,62 | 18,93 | 24,19 |  |  |
| 1.2 | Lưới đo vẽ (công nhóm /100 thửa) | Nhóm 5 (2KTV4+2KTV6+1KTV10) | 1 | 1,93 | 1,32 | 0,36 | 0,31 | 0,81 | 1,62 | 1.2 | Lưới đo vẽ (công nhóm/100 thửa có biến động cần chỉnh lý) | Nhóm 5 (2KTV4+2KTV6+1KTV10) | 1 | 1,93 | 1,32 | 0,36 | 0,31 | 0,81 | 1,62 | Đây là mục tương đương với mục 1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. .Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây. |
| 2 | 2,42 | 1,65 | 0,45 | 0,42 | 0,93 | 1,86 | 2 | 2,42 | 1,65 | 0,45 | 0,42 | 0,93 | 1,86 |
| 3 | 3,22 | 2,20 | 0,60 | 0,52 | 1,24 | 2,48 | 3 | 3,22 | 2,20 | 0,60 | 0,52 | 1,24 | 2,48 |
| 4 | 3,86 | 2,97 | 0,81 | 0,65 | 1,36 | 2,72 | 4 | 3,86 | 2,97 | 0,81 | 0,65 | 1,36 | 2,72 |
| 5 |  | 3,74 | 1,04 | 0,91 |  |  | 5 |  | 3,74 | 1,04 | 0,91 |  |  |
| 1.3 | Đo vẽ chi tiết (công nhóm /100 thửa) | Nhóm 5 (2KTV4+2KTV6+1KTV10) | 1 | 23,90 | 16,68 | 6,09 | 8,53 | 11,95 | 23,90 | 1.3 | Đo đạc ranh giới thửa đất và các đối tượng địa lý có liên quan (công nhóm/100 thửa có biến động cần chỉnh lý) | Nhóm 5 (2KTV4+2KTV6+1KTV10) | 1 | 23,90 | 16,68 | 6,09 | 8,53 | 11,95 | 23,90 | Đây là mục tương đương với mục 1.3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. .Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây. |
| 16,71 | 11,66 | 4,25 | 5,96 | 8,36 | 16,72 | 16,71 | 11,66 | 4,25 | 5,96 | 8,36 | 16,72 |
| 2 | 28,68 | 20,02 | 7,31 | 10,24 | 14,34 | 28,68 | 2 | 28,68 | 20,02 | 7,31 | 10,24 | 14,34 | 28,68 |
| 20,06 | 14,00 | 5,11 | 7,16 | 10,03 | 20,05 | 20,06 | 14,00 | 5,11 | 7,16 | 10,03 | 20,05 |
| 3 | 34,42 | 24,02 | 8,76 | 12,28 | 17,21 | 34,41 | 3 | 34,42 | 24,02 | 8,76 | 12,28 | 17,21 | 34,41 |
| 24,07 | 16,80 | 6,12 | 8,59 | 12,03 | 24,06 | 24,07 | 16,80 | 6,12 | 8,59 | 12,03 | 24,06 |
| 4 | 41,30 | 28,82 | 10,52 | 14,74 | 20,65 | 41,30 | 4 | 41,30 | 28,82 | 10,52 | 14,74 | 20,65 | 41,30 |
| 28,88 | 20,15 | 7,35 | 10,31 | 14,44 | 28,88 | 28,88 | 20,15 | 7,35 | 10,31 | 14,44 | 28,88 |
| 5 |  | 34,59 | 12,62 | 17,69 |  |  | 5 |  | 34,59 | 12,62 | 17,69 |  |  |
|  | 24,19 | 8,82 | 12,37 |  |  |  | 24,19 | 8,82 | 12,37 |  |  |
| **2** | **Nội nghiệp** |  |  |  |  |  |  |  |  | **2** | **Nội nghiệp** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Số hoá bản đồ địa chính: Áp dụng theo mức tại mục III, Chương I phần II. |  |  |  |  |  |  |  |  | 2.1 | Số hóa BĐĐC: Áp dụng theo mức quy định tại Mục III, Chương I, Phần 2. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.2 | Lập bản vẽ BĐĐC (công nhóm/100 thửa có chỉnh lý) | Nhóm 2 (1KTV6 + 1KTV10) | 1 | 5,12 | 1,63 | 0,55 | 0,67 | 1,40 | 2,20 | 2.2 | Lập bản vẽ BĐĐC (Công nhóm/100 thửa chỉnh lý) | Nhóm 2 (1KTV6 + 1KTV10) | 1 | 5,12 | 1,63 | 0,55 | 0,67 | 1,40 | 2,20 | Đây là mục tương đương với mục 2.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. .Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 2 | 6,14 | 2,03 | 0,69 | 0,89 | 1,62 | 2,42 | 2 | 6,14 | 2,03 | 0,69 | 0,89 | 1,62 | 2,42 |
| 3 | 7,16 | 2,17 | 0,92 | 1,11 | 2,16 | 2,96 | 3 | 7,16 | 2,17 | 0,92 | 1,11 | 2,16 | 2,96 |
| 4 | 8,20 | 3,66 | 1,24 | 1,39 | 2,38 | 3,18 | 4 | 8,20 | 3,66 | 1,24 | 1,39 | 2,38 | 3,18 |
| 5 |  | 4,61 | 1,61 | 1,94 |  |  | 5 |  | 4,61 | 1,61 | 1,94 |  |  |
| 2.3 | Lập Kết quả đo đạc địa chính thửa đất (công nhóm/ 100 thửa chỉnh lý) | 1KTV6 | 1-5 | 3,00 | 3,00 | 3,00 | 3,00 | 3,00 | 3,00 | 2.3 | Lập Kết quả đo đạc địa chính thửa đất (Công/100 thửa chỉnh lý) | 1KTV6 | 1-5 | 3,00 | 3,00 | 3,00 | 3,00 | 3,00 | 3,00 | Đây là mục tương đương với mục 2.3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. .Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 2.4 | Bổ sung sổ mục kê (công nhóm/ 100 thửa chỉnh lý) | 1KTV6 | 1-5 | 2,60 | 2,60 | 2,60 | 2,60 | 2,60 | 2,60 | 2.4 | Bổ sung sổ mục kê (công nhóm/100 thửa chỉnh lý) | 1KTV6 | 1-5 | 2,60 | 2,60 | 2,60 | 2,60 | 2,60 | 2,60 | Đây là mục tương đương với mục 2.4 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 2.5 | Biên tập bản đồ và in (công nhóm/mảnh) | 1KTV6 | 1-5 | 0,51 | 0,60 | 0,68 | 0,77 | 0,85 | 1,00 | 2.5 | Biên tập bản đồ và in (công nhóm/mảnh) | 1KTV6 | 1-5 | 0,51 | 0,60 | 0,68 | 0,77 | 0,85 | 1,00 | Đây là mục tương đương với mục 2.5 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. .Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 2.6 | Xác nhận hồ sơ các cấp (công nhóm/mảnh) | 1KTV6 | 1-5 | 0,40 | 0,60 | 0,80 | 1,10 | 1,70 | 2,00 | 2.6 | Xác nhận hồ sơ các cấp (công nhóm/mảnh) | 1KTV6 | 1-5 | 0,40 | 0,60 | 0,80 | 1,10 | 1,70 | 2,00 | Đây là mục tương đương với mục 2.3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. .Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 2.7 | Cập nhật dữ liệu vào không gian địa chính |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Đây là mục tương đương với mục 2.7 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. .Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 2.8 | Giao nộp sản phẩm (công nhóm/mảnh) | 2KTV6 | 1-5 | 0,10 | 0,63 | 0,85 | 1,27 | 1,70 | 2,00 | 2.7 | Giao nộp sản phẩm (công nhóm/mảnh) | 2KTV6 | 1-5 | 0,10 | 0,63 | 0,85 | 1,27 | 1,70 | 2,00 | Đây là mục tương đương với mục 2.7 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. .Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |

V. TRÍCH ĐO ĐỊA CHÍNH THỬA ĐẤT

*Bảng 5*

| **THÔNG TƯ 14/2017/TT-BTNMT ngày 20 tháng 7 năm 2017** | | | | | | | | | | **DỰ THẢO ĐỊNH MỨC: ĐO ĐẠC LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH, ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT, LẬP HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT NĂM 2024** | | | | | | | | | | **So sánh** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc** | **Định biên** | **Khó khăn** | **Định mức theo quy mô diện tích thửa đất (Công nhóm/thửa)** | | | | | | **STT** | **Nội dung công việc** | **Định biên** | **Khó khăn** | **Định mức theo quy mô diện tích thửa đất (Công nhóm/thửa)** | | | | | |
| **< 100  (m2)** | **100-300 (m2)** | **> 300-500 (m2)** | **> 500-1000 (m2)** | **> 1000-3000 (m2)** | **> 3000-10000 (m2)** | **< 100 (m2)** | **100-300 (m2)** | **> 300-500 (m2)** | **> 500-1000 (m2)** | **> 1000-3000 (m2)** | **> 3000-10000 (m2)** |
|
|  |
| **I. Trích đo thửa đất đến 10.000 m2** | | | | | | | | | | **I. Trích đo thửa đất đến 10.000 m2** | | | | | | | | | |  |
| **1** | **Đất đô thị** |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** | **Đất đô thị** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Ngoại nghiệp | Nhóm 3 (1KTV4 + 2KTV6) | 689.884 | 1,92 | 2,28 | 2,42 | 2,96 | 4,06 | 6,24 | 1.1 | Ngoại nghiệp | Nhóm 3 (1KTV4 + 2KTV6) | - | 1,92 | 2,28 | 2,42 | 2,96 | 4,06 | 6,24 | Đây là mục tương đương với mục 1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. .Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây . |
| 1.2 | Nội nghiệp | Nhóm 3 (1KTV4 + 2KTV6) | 625.730 | 0,48 | 0,57 | 0,6 | 0,74 | 1,02 | 1,56 | 1.2 | Nội nghiệp | Nhóm 3 (1KTV4 + 2KTV6) | - | 0,48 | 0,57 | 0,6 | 0,74 | 1,02 | 1,56 | Đây là mục tương đương với mục 1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. .Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 1,3 | Cập nhật dữ liệu vào không gian địa chính |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Theo quy định của Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT không có nội dung này. |
| **2** | **Đất ngoài khu vực đô thị** |  |  |  |  |  |  |  |  | **2** | **Đất ngoài khu vực đô thị** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2,1 | Ngoại nghiệp | Nhóm 3 (1KTV4 + 2KTV6) | 689.884 | 1,28 | 1,52 | 1,62 | 1,97 | 2,7 | 4,16 | 2,1 | Ngoại nghiệp | Nhóm 3 (1KTV4 + 2KTV6) | - | 1,28 | 1,52 | 1,62 | 1,97 | 2,7 | 4,16 | Đây là mục tương đương với mục 2.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. .Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 2,2 | Nội nghiệp | Nhóm 3 (1KTV4 + 2KTV6) | 625.730 | 0,32 | 0,38 | 0,4 | 0,49 | 0,67 | 1,04 | 2,2 | Nội nghiệp | Nhóm 3 (1KTV4 + 2KTV6) | - | 0,32 | 0,38 | 0,4 | 0,49 | 0,67 | 1,04 | Đây là mục tương đương với mục 2.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. .Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 2,3 | Cập nhật dữ liệu vào không gian địa chính |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Theo quy định của Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT không có nội dung này |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II. Trích đo thửa đất trên 10.000 m2 (ghi chú 1 bảng 5)** | | | | | | | | | | **II. Trích đo thửa đất trên 10.000 m2 (ghi chú 1 bảng 5)** | | | | | | | | | |  |
| **STT** | **Nội dung công việc** | **Định biên** | **Khó khăn** | **Định mức theo quy mô diện tích thửa đất (Công nhóm/thửa)** | | | | | | **STT** | **Nội dung công việc** | **Định biên** | **Khó khăn** | **Định mức theo quy mô diện tích thửa đất (Công nhóm/thửa)** | | | | | | **So sánh** |
| **>01-10 (ha)** | **>10-50 (ha)** | **>50-100 (ha)** | **>100-500 (ha)** | **>500-1000 (ha)** | **>1000 (ha)** | **>01-10 (ha)** | **>10-50 (ha)** | **>50-100 (ha)** | **>100-500 (ha)** | **>500-1000 (ha)** | **>1000 (ha)** |
| **1** | **Đất ở phường** |  |  |  |  |  |  |  |  | **1** | **Đất đô thị** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Ngoại nghiệp | Nhóm 3 (1KTV4 + 2KTV6) | 687.793 | 7,488 | 8,112 | 8,736 | 9,984 | 11,232 |  | 1.1 | Ngoại nghiệp | Nhóm 3 (1KTV4 + 2KTV6) | - | 7,488 | 8,112 | 8,736 | 9,984 | 11,232 |  | Đây là mục tương đương với mục 1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. .Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 1.2 | Nội nghiệp | Nhóm 3 (1KTV4 + 2KTV6) | - | 1,872 | 2,028 | 2,184 | 2,496 | 2,808 |  | 1.2 | Nội nghiệp | Nhóm 3 (1KTV4 + 2KTV6) | - | 1,872 | 2,028 | 2,184 | 2,496 | 2,808 |  | Đây là mục tương đương với mục 1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. .Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 1,3 | Cập nhật dữ liệu vào không gian địa chính |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Theo quy định của Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT không có nội dung này nên không tính định mức |
| **2** | **Đất ở xã** |  |  |  |  |  |  |  |  | **2** | **Đất ngoài khu vực đô thị** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2,1 | Ngoại nghiệp | Nhóm 3 (1KTV4 + 2KTV6) | 687.793 | 4,992 | 5,408 | 5,824 | 6,656 | 7,488 |  | 2,1 | Ngoại nghiệp | Nhóm 3 (1KTV4 + 2KTV6) | - | 4,992 | 5,408 | 5,824 | 6,656 | 7,488 |  | Đây là mục tương đương với mục 2.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. .Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 2,2 | Nội nghiệp | Nhóm 3 (1KTV4 + 2KTV6) | - | 1,248 | 1,352 | 1,456 | 1,664 | 1,872 |  | 2,2 | Nội nghiệp | Nhóm 3 (1KTV4 + 2KTV6) | - | 1,248 | 1,352 | 1,456 | 1,664 | 1,872 |  | Đây là mục tương đương với mục 2.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. . .Qua công tác, tính thử, làm thử, và so sánh thì mức công định biên tương đương với Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT đã áp dung trước đây |
| 2,3 | Cập nhật dữ liệu vào không gian địa chính |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Theo quy định của Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT không có nội dung này nên không tính định mức |

**VI.** **ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LẦN ĐẦU ĐỒNG LOẠT ĐỐI HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ, TỔ CHỨC SỬ DỤNG ĐẤT, NGƯỜI GỐC VIỆT NAM ĐỊNH CƯ Ở NGƯỜI NGOÀI TẠI ĐỊA BÀN CẤP XÃ, PHƯỜNG**

*Bảng 6*

| **TT** | **Nội dung công việc (ĐM 14)** | **Nội dung công việc (Luật 2024)** | **Nội dung công việc (NĐ 151/2025)** | **ĐVT** | **Định biên** | **KK** | **Định mức** | **Giải trình nội dung xây dựng, sửa đổi, bổ sung** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *(Công nhóm/ĐVT)* |
| **I** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP PHƯỜNG** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP PHƯỜNG** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Công việc chuẩn bị | Công việc chuẩn bị | Công việc chuẩn bị |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Chuẩn bị địa điểm đăng ký | Chuẩn bị địa điểm đăng ký | Chuẩn bị địa điểm đăng ký | Điểm | Nhóm2 (1KS2,1KTV4) | 1-3 | 2.00 | Đây là mục tương đương với mục 1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 2.00 |
| 1.2 | Chuẩn bị các tài liệu, bản đồ, mẫu đơn đề nghị đăng ký, cấp GCN, danh sách các trường hợp sử dụng đất theo địa điểm (theo phường) | Chuẩn bị các tài liệu, bản đồ, mẫu đơn đề nghị đăng ký, cấp GCN, danh sách các trường hợp sử dụng đất theo địa điểm (theo phường) | Chuẩn bị các tài liệu, bản đồ, mẫu đơn đề nghị đăng ký, cấp GCN, danh sách các trường hợp sử dụng đất theo địa điểm (theo phường) | Bộ tài liệu | Nhóm 3 (1KS3, 1KS2, 1KTV4) | 1-3 | 16.00 | Đây là mục tương đương với mục 1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 1.3 | Tổ chức phổ biến, tuyên truyền chủ trương, chính sách về đăng ký, cấp GCN | Tổ chức phổ biến, tuyên truyền chủ trương, chính sách về đăng ký, cấp GCN | Tổ chức phổ biến, tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về đăng ký, cấp GCN | Cuộc | 1KS3 | 1-3 | 2.50 | Đây là mục tương đương với mục 1.3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 2.50 |
| 1.4 | Hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp GCN | Hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp GCN | Hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp GCN |  |  |  |  |  |
| 1.4.1 | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.15 | Đây là mục tương đương với mục 1.4.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 1.4.2 | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.10 | Đây là mục tương đương với mục 1.4.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 2 | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và viết giấy biên nhận hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.20 | Đây là mục tương đương với mục 2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 3 | Tạo tệp (File) dữ liệu hồ sơ số và nhập thông tin do người sử dụng đất kê khai, đăng ký | Tạo tệp (File) dữ liệu hồ sơ số và nhập thông tin do người sử dụng đất kê khai, đăng ký | Tạo tệp (File) dữ liệu hồ sơ số và nhập thông tin do người sử dụng đất kê khai, đăng ký | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.11 | Đây là mục tương đương với mục 3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  | Chuyển hồ sơ đến Hội đồng đăng ký đất đai; ký nhận vào sổ theo dõi | Chuyển hồ sơ đến Hội đồng đăng ký đất đai; ký nhận vào sổ theo dõi |  |  |  |  | Quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP không có quy định này lên không tính định mức |
|  |  |  | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Quét trang A3 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.016 | Đây là mục tương đương với mục 14.1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Quét trang A4 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.008 | Đây là mục tương đương với mục 14.1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.004 | Đây là mục tương đương với mục 14.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Trích lục bản đồ địa chính đối với nơi đã có bản đồ địa chính hoặc kiểm tra, ký xác nhận mảnh trích đo bản đồ địa chính |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Trích lục trên bản đồ dạng số | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.04 | Đây là mục tương đương với mục 5.1của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Trích lục trên bản đồ dạng giấy | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.08 | Đây là mục tương đương với mục 5.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 4 | Kiểm tra, xác minh, lấy ý kiến khu dân cư (nếu có) hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp GCN | Kiểm tra xác minh hiện trạng; Tổ chức họp Hội đồng đăng ký đất đai theo hình thức trực tiếp hoặc gửi lấy ý kiến các thành viên | Xác nhận hiện trạng sử dụng đất có hay không có nhà ở, công trình xây dựng; tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất; xác định đất sử dụng ổn định; xác định nguồn gốc sử dụng đất; xác nhận sự phù hợp với quy hoạch | Hồ sơ | Nhóm 2 (3KS2, 4KTV4) | 1 | 0.54 | Đây là mục tương đương với mục 2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  | 0.3 |
| 2 | 0.648 |
|  | 0.36 |
| 3 | 0.778 |
| 0.432 |
|  |  | Lập Biên bản theo Mẫu số 07/ĐK và chuyển hồ sơ cùng Biên bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã |  |  |  |  |  | Quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP không có quy định này lên không tính định mức |
|  |  |  | Kiểm tra thực tế sử dụng đất của tổ chức, xác định ranh giới cụ thể của thửa đất đối với tổ chức | Hồ sơ | Nhóm 2 (3KS2, 4KTV4) | 1 | 1.10 | Đây là Quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP áp dụng với tổ chức thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã. Định mức được tính như mục 4.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT (Quy trình cấp GCN lần đầu của tổ chức) |
|  |  |  | 0.61 |
|  |  |  | 2 | 1.21 |
|  |  |  | 0.67 |
|  |  |  | 3 | 1.33 |
|  |  |  | 0.73 |
|  |  |  | Lập biên bản kiểm tra việc sử dụng đất, ranh giới sử dụng đất của tổ chức | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng lập được 20 hồ sơ/ngày. Áp dụng định biên 1KS3 0,05 công/hồ sơ |
|  |  |  | Niêm yết công khai các nội dung xác nhận tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, khu dân cư nơi có đất | Hồ sơ | 1KTV4 | 1-3 | 0.015 | Đây là mục tương đương với mục 7 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Nhận các ý kiến phản ánh; Xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung đã công khai. |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0,015 | Đây là mục tương đương với mục 8.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Theo hình thức trực tuyến | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0,01 | Đây là mục tương đương với mục 8.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Kiểm tra việc đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.2 | Đây là mục tương đương với mục 3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 5 | Xác nhận vào đơn đề nghị đăng ký, cấp GCN, sơ đồ tài sản (nếu có) | Lập Tờ trình theo Mẫu số 08/ĐK; Xác nhận các nội dung đối với trường hợp không có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận hoặc trường hợp có nhu cầu và đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận | Lập Tờ trình trình Chủ tịch UBND cấp xã |  |  | 1-3 |  | Đây là mục tương đương với mục 5 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Tuy nhiên thay đổi cách gọi theo quy định của Nghị Định 151/NĐ-CP |
| 5.1 | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.05 | Đây là mục tương đương với mục 5.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 5.2 | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.04 | Đây là mục tương đương với mục 5.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Quyết định hình thức sử dụng đất đối với tổ chức | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.050 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng lập được 20 hồ sơ/ngày. Áp dụng định biên 1KS3 0,05 công/hồ sơ |
| 6 | Nhập ý kiến xác nhận của phường vào tệp (File) dữ liệu hồ sơ số | Cập nhật (File) dữ liệu hồ sơ số, cập nhật sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp GCN | Niêm yết công khai các nội dung xác nhận tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, khu dân cư nơi có đất |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Nhận các ý kiến góp ý, xem xét các ý kiến góp ý, trả lời ý kiến góp ý | Nhận các ý kiến phản ánh; Xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung đã công khai. |  |  |  |  |  |  |
| 6.1 | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp |  |  |  |  |  |  |
| 6.2 | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến |  |  |  |  |  |  |
| **9** | Hoàn thiện hồ sơ sau niêm yết và chuyển về cấp huyện | Hoàn thiện hồ sơ và trình cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Nhận Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai để trả cho người yêu cầu đăng ký | Ban hành Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai đối với trường hợp không có nhu cầu hoặc không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.050 | Đây là quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP nội dung của cấp huyện được chuyển xuống thực hiện tại cấp xã, định mức áp dụng 0.050 công / hồ sơ |
| 10 | Nhận thông báo, chuyển thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất (sau khi cấp huyện xác định nghĩa vụ tài chính và gửi cho phường để thông báo cho người sử dụng đất) | Nhận thông báo, chuyển thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất (nếu có) | Chuyển Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai đến Bộ phận một cửa hoặc chuyển Giấy chứng nhận thông qua dịch vụ bưu chính công ích để trao cho người sử dụng đất. | Hồ sơ | 1KS1 | 1-3 | 0.02 | Đây là quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP nội dung của cấp huyện được chuyển xuống thực hiện tại cấp xã, định mức áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 11 | Nhận bản sao HSĐC, bản sao sổ cấp GCN để khai thác sử dụng; nhận và trao hợp đồng thuê đất (nếu có), trao GCN cho người sử dụng đất; thu và gửi lệ phí cấp GCN về cấp huyện | Nhận bản sao HSĐC, bản sao sổ cấp GCN để khai thác sử dụng; nhận và trao hợp đồng thuê đất (nếu có), trao GCN cho người sử dụng đất; thu và gửi lệ phí cấp GCN về cấp huyện | Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai. | Hồ sơ | 1KS1 | 1-3 | 0.02 | Đây là quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP nội dung của cấp huyện được chuyển xuống thực hiện tại cấp xã, định mức áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Quyết định hình thức sử dụng đất đối với tổ chức | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.050 |  |
|  |  |  | Lập, gửi Phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận và đủ điều kiện |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.05 | Đây là quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP nội dung của cấp huyện được chuyển xuống thực hiện tại cấp xã, định mức áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.06 | Đây là quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP nội dung của cấp huyện được chuyển xuống thực hiện tại cấp xã, định mức áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Nhận thông báo hoàn thành nghĩa vụ tài chính từ cơ quan thuế hoặc được ghi nợ nghĩa vụ tài chính |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.06 | Đây là quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP nội dung của cấp huyện được chuyển xuống thực hiện tại cấp xã, định mức áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.05 | Đây là quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP nội dung của cấp huyện được chuyển xuống thực hiện tại cấp xã, định mức áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Nhập thông tin về nghĩa vụ tài chính, đăng ký vào hồ sơ địa chính | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.030 | Đây là quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP nội dung của cấp huyện được chuyển xuống thực hiện tại cấp xã, định mức áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Chuẩn bị hợp đồng cho thuê đất (nếu có) | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.200 | Đây là quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP nội dung của cấp huyện được chuyển xuống thực hiện tại cấp xã, định mức áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | In GCN |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Trực tiếp từ cơ sở dữ liệu dạng số | GCN | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | Đây là quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP nội dung của cấp huyện được chuyển xuống thực hiện tại cấp xã, định mức áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Đối với những nơi chưa có bản đồ dạng số | GCN | 1KS2 | 1-3 | 0.100 | Đây là quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP nội dung của cấp huyện được chuyển xuống thực hiện tại cấp xã, định mức áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Cấp Giấy chứng nhận | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.050 | Đây là quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP nội dung của cấp huyện được chuyển xuống thực hiện tại cấp xã, định mức áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Nhập bổ sung thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đã cấp | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.033 | Đây là quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP nội dung của cấp huyện được chuyển xuống thực hiện tại cấp xã, định mức áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Quét bổ sung các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký đất đai |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Quét trang A3 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.016 | Đây là quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP nội dung của cấp huyện được chuyển xuống thực hiện tại cấp xã, định mức áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Quét trang A4 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.008 | Đây là quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP nội dung của cấp huyện được chuyển xuống thực hiện tại cấp xã, định mức áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.004 | Đây là quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP nội dung của cấp huyện được chuyển xuống thực hiện tại cấp xã, định mức áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu | Thửa | 1KS1 | 1-3 | 0.01 | Đây là quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP nội dung của cấp huyện được chuyển xuống thực hiện tại cấp xã, định mức áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Chuyển Giấy chứng nhận đến Bộ phận một cửa để trao cho người sử dụng đất hoặc chuyển Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất thông qua dịch vụ bưu chính công ích | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.05 | Đây là quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP nội dung của cấp huyện được chuyển xuống thực hiện tại cấp xã, định mức áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Chuyển hồ sơ kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đã cấp đến Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai. | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | Đây là quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP nội dung của cấp huyện được chuyển xuống thực hiện tại cấp xã, định mức áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Nhận hồ sơ địa chính từ cấp tỉnh gửi về (01 bộ) | Bộ/ Phường | 1KS2 | 1-3 | 32 | Đây là quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP nội dung của cấp huyện được chuyển xuống thực hiện tại cấp xã, định mức áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| **II** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Tiếp nhận hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp GCN của người sử dụng đất từ phường chuyển đến | Tiếp nhận hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp GCN của người sử dụng đất từ phường chuyển đến |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp |  |  |  |  |  |  |
| 1.2 | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Trích lục thửa đất | Trích lục bản đồ địa chính đối với nơi đã có bản đồ địa chính |  |  |  |  |  |  |
| 5.1 | Trích lục trên bản đồ dạng số | Trích lục trên bản đồ dạng số |  |  |  |  |  |  |
| 5.2 | Trích lục trên bản đồ dạng giấy | Trích lục trên bản đồ dạng giấy |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra, ký duyệt mảnh trích đo bản đồ địa chính hoặc đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc trích đo bản đồ địa chính |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Gửi, nhận phiếu lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước về tài sản (nếu có) | Gửi, nhận văn bản ý kiến của cơ quan có chức năng quản lý về xây dựng cấp huyện về đủ điều kiện tồn tại nhà ở, công trình xây dựng (nếu có) |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp GCN và xác nhận vào đơn đủ hay không đủ điều kiện cấp GCN, căn cứ pháp lý | Kiểm tra việc đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Ban hành Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai đối với trường hợp không có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Nhập ý kiến nội dung xét duyệt của cấp huyện vào tệp (File) dữ liệu hồ sơ số | Nhập nội dung xét duyệt hồ sơ vào tệp (File) dữ liệu hồ sơ số |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Lập phiếu và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính, nhận thông báo nghĩa vụ tài chính | Lập phiếu và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính |  |  |  |  |  |  |
| 6.1 | Chuyển, nhận thông tin theo hình thức liên thông | Chuyển, nhận thông tin theo hình thức liên thông |  |  |  |  |  |  |
| 6.2 | Chuyển, nhận thông tin theo hình thức trực tiếp | Chuyển, nhận thông tin theo hình thức trực tiếp |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính để người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính; và nhận lại hóa đơn nghĩa vụ tài chính đã thực hiện | Nhận Thông báo của cơ quan thuế về hoàn thành hoặc được ghi nợ nghĩa vụ tài chính |  |  |  |  |  |  |
| 7.1 | Theo hình thức trực tiếp (gửi về phường để thông báo cho người sử dụng đất) | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp |  |  |  |  |  |  |
| 7.2 | Theo hình thức trực tuyến (gửi cho người sử dụng đất để thực hiện nghĩa vụ tài chính) | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Nhập thông tin về nghĩa vụ tài chính, đăng ký vào hồ sơ địa chính | Nhập thông tin về nghĩa vụ tài chính, đăng ký vào hồ sơ địa chính |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Chuẩn bị hợp đồng cho thuê đất (nếu có) | Chuẩn bị hợp đồng cho thuê đất (nếu có) |  |  |  |  |  |  |
| 10 | In GCN | In GCN |  |  |  |  |  |  |
| 10.1 | Trực tiếp từ cơ sở dữ liệu dạng số | Trực tiếp từ cơ sở dữ liệu dạng số |  |  |  |  |  |  |
| 10.2 | Đối với những nơi chưa có bản đồ dạng số | Đối với những nơi chưa có bản đồ dạng số |  |  |  |  |  |  |
| 11 | Lập và gửi hồ sơ trình ký GCN, lập hồ sơ theo dõi việc gửi tài liệu | Lập Tờ trình kèm theo hồ sơ trình ký GCN, lập hồ sơ theo dõi việc gửi tài liệu |  |  |  |  |  |  |
| 12 | Nhận lại hồ sơ, GCN, hợp đồng thuê đất; lập và sao sổ cấp GCN; quét (sao) GCN, cập nhật CSDL đất đai; gửi tài liệu về cấp tỉnh để lập hồ sơ địa chính | Nhận lại hồ sơ, GCN, hợp đồng thuê đất; lập và sao sổ cấp GCN; quét (sao) GCN, cập nhật CSDL đất đai; gửi tài liệu về cấp tỉnh để lập hồ sơ địa chính |  |  |  |  |  |  |
| 15 | Chuyển GCN đã ký về phường để trao cho người sử dụng đất, bản sao sổ cấp GCN, nhận lệ phí cấp GCN, nộp kho bạc | Chuyển Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai hoặc GCN đã ký về phường để trao cho người sử dụng đất, bản sao sổ cấp GCN, nhận lệ phí cấp GCN, nộp kho bạc |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Chuyển hồ sơ kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đã cấp đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai. |  |  |  |  |  |  |
| 13 | Nhập bổ sung thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận | Nhập bổ sung thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận |  |  |  |  |  |  |
| 14 | Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin | Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin |  |  |  |  |  |  |
| 14.1 | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất |  |  |  |  |  |  |
| 14,1,1 | Quét trang A3 | Quét trang A3 |  |  |  |  |  |  |
| 14,1,2 | Quét trang A4 | Quét trang A4 |  |  |  |  |  |  |
| 14.2 | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF |  |  |  |  |  |  |
| 14.3 | Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu | Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu |  |  |  |  |  |  |
| 16 | Nhận hồ sơ địa chính từ cấp tỉnh và gửi về phường (01 bộ) | Nhận hồ sơ địa chính từ cấp tỉnh và gửi về phường (01 bộ) |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH** |  |  |  |  |  |
| 1 | Lập hồ sơ địa chính | Lập hồ sơ địa chính | Lập hồ sơ địa chính |  |  |  |  | Đây là mục tương đương với mục 1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 1.1 | Hoàn thiện BĐĐC và Sổ mục kê đất đai theo kết quả đăng ký, cấp GCN | Hoàn thiện BĐĐC và Sổ mục kê đất đai theo kết quả đăng ký, cấp GCN | Hoàn thiện BĐĐC và Sổ mục kê đất đai theo kết quả đăng ký, cấp GCN | Bộ/ đĩa | 1KS4 | 1-3 | 1200 | Đây là mục tương đương với mục 1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 1.2 | Lập, hoàn thiện sổ địa chính điện tử | Lập, hoàn thiện sổ địa chính điện tử | Lập, cập nhật hoàn thiện Sổ địa chính điện tử | thửa | 1KS4 | 1-3 | 0.01 | Đây là mục tương đương với mục 1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 2 | Sao, in ấn hồ sơ địa chính để cung cấp cho phường quản lý và khai thác sử dụng | Sao, in ấn hồ sơ địa chính để cung cấp cho phường quản lý và khai thác sử dụng | Sao, in ấn hồ sơ địa chính để cung cấp cho cấp xã quản lý và khai thác sử dụng |  |  |  |  | Đây là mục tương đương với mục 2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 2.1 | Bản đồ địa chính | Bản đồ địa chính | Bản đồ địa chính | Tờ | 1KS4 | 1-3 | 0.025 | Đây là mục tương đương với mục 2.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 2.2 | Sao sổ địa chính, sổ mục kê đất đai | Sao sổ địa chính, sổ mục kê đất đai | Sao Sổ địa chính, Sổ mục kê đất đai | Bộ/ đĩa | 1KS4 | 1-3 | 8 | Đây là mục tương đương với mục 2.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 3 | Bàn giao HSĐC cho cấp huyện/phường để quản lý và khai thác sử dụng | Bàn giao HSĐC cho cấp huyện/phường để quản lý và khai thác sử dụng | Bàn giao HSĐC cho cấp xã, phường để quản lý và khai thác sử dụng | Bộ/ Phường | 1KS4 | 1-3 | 32 | Đây là mục tương đương với mục 3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |

**VII.** **ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LẦN ĐẦU ĐƠN LẺ ĐỐI VỚI HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ, TỔ CHỨC TRONG NƯỚC, NGƯỜI GỐC VIỆT NAM ĐỊNH CƯ Ở NGƯỜI NGOÀI TẠI ĐỊA BÀN CẤP XÃ, PHƯỜNG**

*Bảng 8*

| **TT** | **Nội dung công việc (ĐM 14)** | **Nội dung công việc (Luật 2024)** | **Nội dung công việc (NĐ 151/2025)** | **ĐVT** | **Định biên** | **KK** | **Định mức** | | **Giải trình nội dung xây dựng, sửa đổi, bổ sung** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *(Công nhóm/ĐVT)* | |
| **ĐM Đất** | **ĐM Đất+TS** |  |
| **I** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP XÃ** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP XÃ** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP XÃ** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp GCN | Hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp GCN | Hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp GCN |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.200 | 0.260 | Đây là mục tương đương với mục 1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 1.2 | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.150 | 0.190 | Đây là mục tương đương với mục 1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 2 | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và viết giấy biên nhận hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.100 | 1.130 | Đây là mục tương đương với mục 2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 3 | Tạo tệp (File) dữ liệu hồ sơ số và nhập thông tin do người sử dụng đất kê khai, đăng ký | Tạo tệp (File) dữ liệu hồ sơ số và nhập thông tin do người sử dụng đất kê khai, đăng ký | Tạo tệp (File) dữ liệu hồ sơ số và nhập thông tin do người sử dụng đất kê khai, đăng ký | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.107 | 0.167 | Đây là mục tương đương với mục 3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  | Chuyển hồ sơ đến Hội đồng đăng ký đất đai; ký nhận vào sổ theo dõi |  |  |  |  |  |  | Quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP không có quy định này lên không tính định mức |
|  |  |  | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Quét trang A3 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.016 | 0.020 | Đây là mục tương đương với mục 15.1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Quét trang A4 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.008 | 0.010 | Đây là mục tương đương với mục 15.1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.004 | 0.005 | Đây là mục tương đương với mục 15.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Trích lục bản đồ địa chính đối với nơi đã có bản đồ địa chính hoặc kiểm tra, ký xác nhận mảnh trích đo bản đồ địa chính |  |  |  |  |  | Đây là mục tương đương với mục 6 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Tuy nhiên thay đổi cách gọi theo quy định của Nghị Định 151/NĐ-CP |
|  |  |  | Trích lục trên bản đồ dạng số | Thửa | 1KS2 | 1-5 | 0.050 | 0.050 | Đây là mục tương đương với mục 6.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Trích lục trên bản đồ dạng giấy | Thửa | 1KS2 | 1-5 | 0.100 | 0.100 | Đây là mục tương đương với mục 6.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 4 | Kiểm tra, xác minh, lấy ý kiến khu dân cư (nếu có) hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp GCN | Kiểm tra xác minh hiện trạng; Tổ chức họp Hội đồng đăng ký đất đai theo hình thức trực tiếp hoặc gửi lấy ý kiến các thành viên | Xác nhận hiện trạng sử dụng đất có hay không có nhà ở, công trình xây dựng; tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất; xác định đất sử dụng ổn định; xác định nguồn gốc sử dụng đất; xác nhận sự phù hợp với quy hoạch | Hồ sơ | Nhóm 2 (3KS2, 4KTV4) | 1 | 0.900 | 1.170 | Đây là mục tương đương với mục 4 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 0.700 | 0.910 |
| 2 | 0.990 | 1.287 |
| 0.770 | 1.001 |
| 3 | 1.089 | 1.416 |
| 0.847 | 1.101 |
|  |  |  | Kiểm tra thực tế sử dụng đất của tổ chức, xác định ranh giới cụ thể của thửa đất đối với tổ chức | Hồ sơ | Nhóm 2 (3KS2, 4KTV4) | 1 | 1.000 | 1.300 | Đây là Quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP áp dụng với tổ chức thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã. Định mức được tính như mục 4.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT (Quy trình cấp GCN lần đầu của tổ chức) |
|  |  |  | 0.590 | 0.767 |
|  |  |  | 2 | 1.100 | 1.430 |
|  |  |  | 0.650 | 0.845 |
|  |  |  | 3 | 1.210 | 1.573 |
|  |  |  | 0.71 | 0.923 |
|  |  |  | Lập biên bản kiểm tra việc sử dụng đất, ranh giới sử dụng đất của tổ chức | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | 0.050 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng lập được 20 hồ sơ/ngày. Áp dụng định biên 1KS3 0,05 công/hồ sơ |
|  |  | Lập Biên bản theo Mẫu số 07/ĐK và chuyển hồ sơ cùng Biên bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã |  |  |  |  |  |  | Quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP không có quy định này lên không tính định mức |
|  |  |  | Niêm yết công khai các nội dung xác nhận tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, khu dân cư nơi có đất | Hồ sơ | 1KTV4 | 1-3 | 0.060 | 0.078 | Đây là mục tương đương với mục 7 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Nhận các ý kiến phản ánh; Xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung đã công khai. |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.200 | 0.260 | Đây là mục tương đương với mục 8.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Theo hình thức trực tuyến | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.150 | 0.195 | Đây là mục tương đương với mục 8.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Kiểm tra việc đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.500 | 0.650 | Đây là mục tương đương với mục 4 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 5 | Xác nhận vào đơn đề nghị đăng ký, cấp GCN, sơ đồ tài sản (nếu có) | Lập Tờ trình theo Mẫu số 08/ĐK; Xác nhận các nội dung đối với trường hợp không có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận hoặc trường hợp có nhu cầu và đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận | Lập Tờ trình trình Chủ tịch UBND cấp xã |  |  |  |  |  | Đây là mục tương đương với mục 5 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Tuy nhiên thay đổi cách gọi theo quy định của Nghị Định 151/NĐ-CP |
| 5.1 | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.050 | 0.065 | Đây là mục tương đương với mục 5.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 5.2 | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.025 | 0.033 | Đây là mục tương đương với mục 5.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Quyết định hình thức sử dụng đất đối với tổ chức | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.050 | 0.050 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng lập được 20 hồ sơ/ngày. Áp dụng định biên 1KS3 0,05 công/hồ sơ |
| 6 | Nhập ý kiến xác nhận của xã, thị trấn vào tệp (File) dữ liệu hồ sơ số | Cập nhật (File) dữ liệu hồ sơ số, cập nhật sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp GCN | Niêm yết công khai các nội dung xác nhận tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, khu dân cư nơi có đất |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Nhận các ý kiến góp ý, xem xét các ý kiến góp ý, trả lời ý kiến góp ý | Nhận các ý kiến phản ánh; Xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung đã công khai. |  |  |  |  |  |  |  |
| 8.1 | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp |  |  |  |  |  |  |  |
| 8.2 | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Hoàn thiện hồ sơ sau niêm yết và chuyển về cấp huyện | Hoàn thiện hồ sơ và trình cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Nhận Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai để trả cho người yêu cầu đăng ký | Ban hành Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai đối với trường hợp không có nhu cầu hoặc không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.200 | 0.200 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng ban hành được 10 mảnh/ngày. Áp dụng định biên 1KS3 0,10 công/thông báo |
|  |  |  | Chuyển Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai đến Bộ phận một cửa hoặc chuyển Giấy chứng nhận thông qua dịch vụ bưu chính công ích để trao cho người sử dụng đất. | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | 0.050 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng chuyển được 20 thông báo/ngày. Áp dụng định biên 1KS2 0,05 công/thông báo |
|  |  |  | Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai. | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | 0.050 | Đây là mục tương đương với mục 14 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Quyết định hình thức sử dụng đất đối với tổ chức | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.050 | 0.500 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng lập được 20 hồ sơ/ngày. Áp dụng định biên 1KS3 0,05 công/hồ sơ |
| 10 | Nhận thông báo, chuyển thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất (sau khi cấp huyện xác định nghĩa vụ tài chính và gửi cho xã, thị trấn để thông báo cho người sử dụng đất) | Nhận thông báo, chuyển thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất (nếu có) | Lập, gửi Phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận và đủ điều kiện |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.100 | 0.130 | Đây là mục tương đương với mục 7.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.200 | 0.260 | Đây là mục tương đương với mục 7.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Nhận thông báo hoàn thành nghĩa vụ tài chính từ cơ quan thuế hoặc được ghi nợ nghĩa vụ tài chính |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.100 | 0.130 | Đây là mục tương đương với mục 7.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.200 | 0.260 | Đây là mục tương đương với mục 7.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Nhập thông tin về nghĩa vụ tài chính, đăng ký vào hồ sơ địa chính | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.030 | 0.030 | Đây là mục tương đương với mục 9 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Chuẩn bị hợp đồng cho thuê đất (nếu có) | Hợp đồng | 1KS3 | 1-3 | 0.200 | 0.200 | Đây là mục tương đương với mục 10 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | In GCN |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Trực tiếp từ cơ sở dữ liệu dạng số | GCN | 1KS2 | 1-3 | 0.100 | 0.100 | Đây là mục tương đương với mục 11.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Đối với những nơi chưa có bản đồ dạng số | GCN | 1KS2 | 1-3 | 0.150 | 0.200 | Đây là mục tương đương với mục 11.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Cấp Giấy chứng nhận | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.050 | 0.050 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng chuyển được 20 thông báo/ngày. Áp dụng định biên 1KS2 0,05 công/hồ sơ |
|  |  |  | Nhập bổ sung thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận đã cấp | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.100 | 0.100 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng chuyển được 20 thông báo/ngày. Áp dụng định biên 1KS2 0,10 công/hồ sơ |
|  |  |  | Quét bổ sung các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký đất đai |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Quét trang A3 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.016 | 0.020 | Đây là mục tương đương với mục 15.1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Quét trang A4 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.008 | 0.010 | Đây là mục tương đương với mục 15.1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.004 | 0.005 | Đây là mục tương đương với mục 15.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu | Thửa | 1KS1 | 1-3 | 0.010 | 0.013 | Đây là mục tương đương với mục 15.3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 11 | Nhận và trao hợp đồng thuê đất (nếu có), trao GCN cho người sử dụng đất; thu và gửi phí, lệ phí cấp GCN về cấp huyện | Nhận và trao hợp đồng thuê đất (nếu có), trao GCN cho người sử dụng đất; thu và gửi phí, lệ phí cấp GCN về cấp huyện | Chuyển Giấy chứng nhận đến Bộ phận một cửa để trao cho người sử dụng đất hoặc chuyển Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất thông qua dịch vụ bưu chính công ích | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.200 | 0.200 | Đây là mục tương đương với mục 11 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Chuyển hồ sơ kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đã cấp đến Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai. | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.200 | 0.260 | Đây là mục tương đương với mục 16 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| **II** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN** |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp GCN |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Theo hình thức trực tiếp |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Theo hình thức trực tuyến |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Nhận, chuyển hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp GCN từ người sử dụng đất |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và viết (xuất) giấy biên nhận hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.2 | Chuyển hồ sơ đến xã, thị trấn để lấy ý kiến xác nhận và công khai kết quả theo quy định | Chuyển hồ sơ đến xã, thị trấn để xác nhận, niêm yết công khai và thực hiện các công việc theo quy định |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.2.1 | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.2.2 | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Tiếp nhận hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp GCN của người sử dụng đất từ xã, thị trấn chuyển đến | Tiếp nhận hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp GCN do xã, thị trấn chuyển đến |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.2 | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Trích lục thửa đất từ BĐĐC, các loại bản đồ, sơ đồ khác (trường hợp phải trích đo địa chính hoặc chỉnh lý bản đồ thửa đất thì áp dụng định mức theo quy định tại Chương I Phần II) | Trích lục bản đồ địa chính đối với nơi đã có bản đồ địa chính |  |  |  |  |  |  |  |
| 6.1 | Trích lục trên bản đồ dạng số | Trích lục trên bản đồ dạng số |  |  |  |  |  |  |  |
| 6.2 | Trích lục trên bản đồ dạng giấy | Trích lục trên bản đồ dạng giấy |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra, ký duyệt mảnh trích đo bản đồ địa chính hoặc đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện việc trích đo bản đồ địa chính |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Gửi, nhận phiếu lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước về tài sản (nếu có) | Gửi, nhận văn bản ý kiến của cơ quan có chức năng quản lý về xây dựng cấp huyện về đủ điều kiện tồn tại nhà ở, công trình xây dựng (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp GCN và xác nhận vào đơn đủ hay không đủ điều kiện cấp GCN, căn cứ pháp lý | Kiểm tra việc đủ điều kiện hay không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Ban hành Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai đối với trường hợp không có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Nhập ý kiến nội dung xác nhận của cấp huyện vào tệp (File) dữ liệu hồ sơ số | Nhập nội dung xét duyệt hồ sơ vào tệp (File) dữ liệu hồ sơ số |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Lập phiếu và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính, nhận thông báo nghĩa vụ tài chính | Lập phiếu và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính |  |  |  |  |  |  |  |
| 7.1 | Chuyển, nhận thông tin theo hình thức liên thông | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông |  |  |  |  |  |  |  |
| 7.2 | Chuyển, nhận thông tin theo hình thức trực tiếp | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8.1 | Chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính để người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận lại hóa đơn nghĩa vụ tài chính đã thực hiện (đối với trường hợp nộp hồ sơ tại cấp huyện) |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8.1.1 | Theo hình thức trực tiếp |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8.1.2 | Theo hình thức trực tuyến |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8.2 | Chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính về xã, thị trấn để chuyển cho người sử dụng đất và nhận lại hóa đơn nghĩa vụ tài chính đã thực hiện (đối với trường hợp nộp hồ sơ tại xã, thị trấn) |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8.2.1 | Theo hình thức trực tiếp |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8.2.2 | Theo hình thức trực tuyến |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Nhập thông tin về nghĩa vụ tài chính, đăng ký vào hồ sơ địa chính | Nhập thông tin về nghĩa vụ tài chính, đăng ký vào hồ sơ địa chính |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | Chuẩn bị hợp đồng cho thuê đất (nếu có) | Chuẩn bị hợp đồng cho thuê đất (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | In GCN | In GCN |  |  |  |  |  |  |  |
| 11.1 | Trực tiếp từ cơ sở dữ liệu dạng số | Trực tiếp từ cơ sở dữ liệu dạng số |  |  |  |  |  |  |  |
| 11.2 | Đối với những nơi chưa có bản đồ dạng số | Đối với những nơi chưa có bản đồ dạng số |  |  |  |  |  |  |  |
| 12 | Lập và gửi hồ sơ trình ký GCN, lập hồ sơ theo dõi việc gửi tài liệu | Lập Tờ trình kèm theo hồ sơ trình ký GCN, lập hồ sơ theo dõi việc gửi tài liệu |  |  |  |  |  |  |  |
| 13 | Nhận lại hồ sơ, GCN, hợp đồng thuê đất; lập và sao sổ cấp GCN; gửi cho cơ quan quản lý tài sản (nếu có) | Nhận lại hồ sơ, GCN, hợp đồng thuê đất; lập và sao sổ cấp GCN; gửi cho cơ quan quản lý tài sản (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Chuyển Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai hoặc GCN đã ký về cấp xã để trao cho người sử dụng đất, bản sao sổ cấp GCN, nhận lệ phí cấp GCN, nộp kho bạc |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Chuyển hồ sơ kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đã cấp đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai. |  |  |  |  |  |  |  |
| 14 | Nhập bổ sung thông tin dữ liệu về GCN |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 15 | Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin | Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin |  |  |  |  |  |  |  |
| 15.1 | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất |  |  |  |  |  |  |  |
| 15.1.1 | Quét trang A3 | Quét trang A3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 15.1.2 | Quét trang A4 | Quét trang A4 |  |  |  |  |  |  |  |
| 15.2 | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF |  |  |  |  |  |  |  |
| 15.3 | Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu | Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu |  |  |  |  |  |  |  |
| 16 | Cập nhật bổ sung việc cấp GCN vào hồ sơ địa chính hoặc cơ sở dữ liệu đất đai và gửi nội dung cập nhật hồ sơ địa chính về cấp tỉnh | Cập nhật việc cấp GCN vào hồ sơ địa chính hoặc cơ sở dữ liệu đất đai và gửi nội dung cập nhật hồ sơ địa chính về cấp tỉnh |  |  |  |  |  |  |  |
| 17 | Trao GCN cho người sử dụng đất, nhận phí, lệ phí cấp GCN, nộp kho bạc |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 17.1 | Trao GCN cho người sử dụng đất, nhận phí, lệ phí cấp GCN, nộp kho bạc |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 17.2 | Chuyển GCN đã ký về xã, thị trấn để trao cho người sử dụng đất, bản sao sổ cấp GCN, nhận phí, lệ phí cấp GCN, nộp kho bạc |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Nhận bản thông báo cập nhật hồ sơ địa chính cấp huyện chuyển đến đối với những nơi chưa liên thông | Nhận bản thông báo cập nhật hồ sơ địa chính cấp huyện chuyển đến đối với những nơi chưa liên thông | Nhận bản thông báo cập nhật hồ sơ địa chính cấp xã chuyển đến đối với những nơi chưa liên thông | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.2 | 0.26 | Đây là mục tương đương với mục 1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |

VIII. ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LẦN ĐẦU ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐANG SỬ DỤNG ĐẤT

*Bảng 9*

| **TT** | **Nội dung công việc (ĐM 14)** | **Nội dung công việc (Luật 2024)** | **Nội dung công việc (NĐ 151/2025)** | **ĐVT** | **Định biên** | **KK** | **Định mức** | | **Giải trình nội dung xây dựng, sửa đổi, bổ sung** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *(Công nhóm/ĐVT)* | |
| **ĐM Đất** | **ĐM Đất + Tài sản** |  |
| **I** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP XÃ** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp GCN | Hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp GCN | Hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp GCN |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.200 | 0.260 | Đây là mục tương đương với mục 1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 1.2 | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.150 | 0.190 | Đây là mục tương đương với mục 1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 2 | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và viết giấy biên nhận hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.500 | 0.650 | Đây là mục tương đương với mục 2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 3 | Tạo tệp (File) dữ liệu hồ sơ số và nhập thông tin do người sử dụng đất, quản lý đất kê khai, đăng ký | Tạo tệp (File) dữ liệu hồ sơ số và nhập thông tin do người sử dụng đất, quản lý đất kê khai, đăng ký | Tạo tệp (File) dữ liệu hồ sơ số và nhập thông tin do người sử dụng đất, quản lý đất kê khai, đăng ký | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.107 | 0.167 | Đây là mục tương đương với mục 3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  | Chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất hoặc chuyển hồ sơ đến Văn phòng Đăng ký đất đai đối với trường hợp đất được giao để quản lý |  |  |  |  |  |  | Quy định mới của Nghị Định 151/NĐ-CP không có quy định này lên không tính định mức |
|  |  |  | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Quét trang A3 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.016 | 0.020 | Đây là mục tương đương với mục 12.1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Quét trang A4 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.008 | 0.010 | Đây là mục tương đương với mục 12.1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.004 | 0.005 | Đây là mục tương đương với mục 12.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 4 | Kiểm tra hồ sơ, gửi và nhận phiếu xin ý kiến cơ quan quản lý về tài sản (nếu cần xác minh thêm thông tin), trích lục thửa đất |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4.1 | Kiểm tra tình trạng pháp lý của hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp GCN |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| 4.2 | Kiểm tra xác minh thực địa với hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp GCN, xác nhận sơ đồ tài sản trong trường hợp chưa có xác nhận của cơ quan có tư cách pháp nhân hành nghề về đo đạc, xây dựng | Kiểm tra thực tế sử dụng đất của tổ chức, xác định ranh giới cụ thể của thửa đất; kiểm tra các loại giấy tờ liên quan đến tài sản là nhà ở, công trình xây dựng trong trường chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng | Kiểm tra thực tế sử dụng đất của tổ chức, xác định ranh giới cụ thể của thửa đất đối với tổ chức | Hồ sơ | Nhóm 2 (3KS2, 4KTV4) | 1 | 1.000 | 1.300 | Đây là mục tương đương với mục 4.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 0.590 | 0.767 |
| 2 | 1.100 | 1.430 |
| 0.650 | 0.845 |
| 3 | 1.210 | 1.573 |
| 0.71 | 0.923 |
|  |  |  | Lập biên bản kiểm tra việc sử dụng đất, ranh giới sử dụng đất của tổ chức | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | 0.050 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng lập được 20 hồ sơ/ngày. Áp dụng định biên 1KS3 0,05 công/hồ sơ |
|  |  |  | Chuyển toàn bộ hồ sơ đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | 0.050 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng chuyển được 20 hồ sơ/ngày. Áp dụng định biên 1KS3 0,05 công/hồ sơ |
|  |  |  | Nhận thông báo, cập nhật HSĐC từ cấp tỉnh chuyển xuống | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.040 | 0.052 | Đây là mục tương đương với mục 1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH** |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Lập Tờ trình kèm theo hồ sơ và dự thảo Quyết định về hình thức sử dụng đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh | Lập Tờ trình kèm theo hồ sơ và dự thảo Quyết định về hình thức sử dụng đất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 1.00 | 1.30 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 1 công cho việc lập tờ trình |
|  |  |  | Quyết định hình thức sử dụng đất | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.05 | 0.05 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng lập được 20 hồ sơ/ngày. Áp dụng định biên 1KS3 0,05 công/hồ sơ |
| 4.4 | Lập, gửi và nhận phiếu xin ý kiến cơ quan quản lý về tài sản (nếu cần xác minh thêm thông tin) |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4.4.1 | Theo hình thức trực tiếp |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4.4.2 | Theo hình thức trực tuyến liên thông |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4.5 | Trích lục thửa đất từ BĐĐC, các loại bản đồ, sơ đồ khác (trường hợp phải trích đo địa chính hoặc chỉnh lý bản đồ thửa đất thì áp dụng định mức theo quy định tại Chương I Phần 2) |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4.5.1 | Trích lục trên bản đồ dạng số |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4.5.2 | Trích lục trên bản đồ dạng giấy |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Nhận lại hồ sơ và Quyết định hình thức sử dụng đất từ Ủy ban nhân dân tỉnh | Nhận lại hồ sơ và Quyết định hình thức sử dụng đất từ Ủy ban nhân dân tỉnh | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.470 | 0.611 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.470 công KS2 cho việc Nhận lại hồ sơ và Quyết định hình thức sử dụng đất từ Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 5 | Lập phiếu và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính, nhận thông báo nghĩa vụ tài chính | Xác định giá đất (đối với trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) và gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai sang cơ quan thuế | Xác định giá đất, lập và gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai sang cơ quan thuế |  |  |  |  |  |  |
| 5.1 | Chuyển, nhận thông tin theo hình thức liên thông | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 1.210 | 1.573 | Đây là mục tương đương với mục 5.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 5.2 | Chuyển, nhận thông tin theo hình thức trực tiếp | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS4 | 1-3 | 1.460 | 1.900 | Đây là mục tương đương với mục 5.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 4.3 | Nhập ý kiến xác nhận của cấp tỉnh vào tệp (File) dữ liệu hồ sơ số | Nhập ý kiến xác nhận của cấp tỉnh vào tệp (File) dữ liệu hồ sơ số | Nhập ý kiến xác nhận của cấp tỉnh vào tệp (File) dữ liệu hồ sơ số | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.003 | 0.003 | Đây là mục tương đương với mục 4.3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 6 | Nhập thông tin về nghĩa vụ tài chính, đăng ký vào hồ sơ địa chính | Nhập thông tin về nghĩa vụ tài chính, đăng ký vào hồ sơ địa chính | Nhận thông báo hoàn thành nghĩa vụ tài chính từ cơ quan thuế | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.033 | 0.033 | Đây là mục tương đương với mục 6 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 7 | Chuẩn bị hợp đồng cho thuê đất (nếu có) | Chuẩn bị hợp đồng cho thuê đất (nếu có) | Chuẩn bị hợp đồng cho thuê đất (nếu có) | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.200 | 0.200 | Đây là mục tương đương với mục 7 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 8 | In GCN | In GCN | In GCN |  |  |  |  |  |  |
| 8.1 | Trực tiếp từ cơ sở dữ liệu dạng số | Trực tiếp từ cơ sở dữ liệu dạng số | Trực tiếp từ cơ sở dữ liệu dạng số | GCN | 1KS2 | 1-3 | 0.100 | 0.100 | Đây là mục tương đương với mục 8.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 8.2 | Đối với những nơi chưa có bản đồ dạng số | Đối với những nơi chưa có bản đồ dạng số | Đối với những nơi chưa có bản đồ dạng số | GCN | 1KS2 | 1-3 | 0.150 | 0.200 | Đây là mục tương đương với mục 8.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 9 | Lập và gửi hồ sơ trình ký GCN, lập hồ sơ theo dõi việc gửi tài liệu | Lập và gửi hồ sơ trình ký GCN, lập hồ sơ theo dõi việc gửi tài liệu | Lập hồ sơ trình ký Giấy chứng nhận | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.500 | 0.650 | Đây là mục tương đương với mục 9 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 10 | Nhận lại hồ sơ, GCN, hợp đồng thuê đất; lập và sao sổ cấp GCN; gửi cơ quan quản lý tài sản (nếu có) | Nhận lại hồ sơ, GCN, hợp đồng thuê đất; lập và sao sổ cấp Giấy chứng nhận | Nhận lại hồ sơ, GCN, hợp đồng thuê đất; lập và sao sổ cấp Giấy chứng nhận | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.470 | 0.611 | Đây là mục tương đương với mục 10 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 11 | Nhập bổ sung thông tin dữ liệu về GCN | Nhập bổ sung thông tin dữ liệu về GCN | Nhập bổ sung thông tin dữ liệu về GCN | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.033 | 0.033 | Đây là mục tương đương với mục 11 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 12 | Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin | Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin |  |  |  |  |  |  |  |
| 12.1 | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất | Quét giấy tờ bổ sung |  |  |  |  |  |  |
| 12.1.1 | Quét trang A3 | Quét trang A3 | Quét trang A3 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.016 | 0.020 | Đây là mục tương đương với mục 12.1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 12.1.2 | Quét trang A4 | Quét trang A4 | Quét trang A4 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.008 | 0.010 | Đây là mục tương đương với mục 12.1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 12.2 | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.004 | 0.005 | Đây là mục tương đương với mục 12.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 12.3 | Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu | Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu | Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu | Thửa | 1KS1 | 1-3 | 0.010 | 0.013 | Đây là mục tương đương với mục 12.3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 13 | Cập nhật bổ sung việc cấp GCN vào hồ sơ địa chính hoặc cơ sở dữ liệu đất đai và gửi nội dung cập nhật hồ sơ địa chính về cấp huyện, xã, thị trấn | Cập nhật bổ sung việc cấp GCN vào hồ sơ địa chính hoặc cơ sở dữ liệu đất đai và gửi nội dung cập nhật hồ sơ địa chính về cấp huyện, xã, thị trấn | Cập nhật bổ sung việc cấp GCN vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai và gửi nội dung cập nhật hồ sơ địa chính về cấp xã, phường | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.200 | 0.260 | Đây là mục tương đương với mục 13 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 14 | Trao GCN cho người sử dụng đất, nhận phí, lệ phí cấp GCN, nộp kho bạc | Trao GCN cho người sử dụng đất, nhận phí, lệ phí cấp GCN, nộp kho bạc | Chuyển Giấy chứng nhận đến Bộ phận một cửa để trao cho người sử dụng đất hoặc chuyển Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất thông qua dịch vụ bưu chính công ích | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.200 | 0.260 | Đây là mục tương đương với mục 14 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| **II** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Cấp huyện nhận thông báo, cập nhật HSĐC | Cấp huyện nhận thông báo, cập nhật HSĐC |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN XÃ, THỊ TRẤN** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN XÃ, THỊ TRẤN** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Địa bàn xã, thị trấn (đối với những nơi chưa xây dựng CSDL) nhận thông báo, cập nhật HSĐC | Địa bàn xã, thị trấn (đối với những nơi chưa xây dựng CSDL) nhận thông báo, cập nhật HSĐC |  |  |  |  |  |  |  |

X. ĐĂNG KÝ, CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỒNG LOẠT TẠI XÃ, PHƯỜNG

*Bảng 10*

| **TT** | **Nội dung công việc (ĐM 14)** | **Nội dung công việc (Luật 2024)** | **Nội dung công việc (NĐ 151/2025)** | **ĐVT** | **Định biên** | **KK** | **Định mức** | **Giải trình nội dung xây dựng, sửa đổi, bổ sung** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *(Công nhóm/ĐVT)* |
| **I** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN PHƯỜNG** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN PHƯỜNG** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN PHƯỜNG** |  |  |  |  |  |
| 1 | Công việc chuẩn bị | Công việc chuẩn bị | Công việc chuẩn bị |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Chuẩn bị địa điểm đăng ký | Chuẩn bị địa điểm đăng ký | Chuẩn bị địa điểm đăng ký | Điểm | Nhóm 2 (1KS2, 1KTV4) | 1-3 | 2.00 | Đây là mục tương đương với mục 1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 2.00 |
| 1.2 | Chuẩn bị các tài liệu, bản đồ, mẫu đơn đề nghị đăng ký, cấp GCN, danh sách các trường hợp sử dụng đất theo địa điểm | Chuẩn bị các tài liệu, bản đồ, mẫu đơn đề nghị đăng ký, cấp GCN, danh sách các trường hợp sử dụng đất theo địa điểm | Chuẩn bị các tài liệu, bản đồ, mẫu đơn đề nghị đăng ký, cấp GCN, danh sách các trường hợp sử dụng đất theo địa điểm | Bộ tài liệu | Nhóm 3 (1KS3, 1KS2, 1KTV4) | 1-3 | 16.00 | Đây là mục tương đương với mục 1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 1.3 | Tổ chức phổ biến, tuyên truyền chủ trương, chính sách về đăng ký, cấp đổi GCN | Tổ chức phổ biến, tuyên truyền chủ trương, chính sách về đăng ký, cấp đổi GCN | Tổ chức phổ biến, tuyên truyền chủ trương, chính sách về đăng ký, cấp đổi GCN | 10 Cuộc | 1KS3 | 1-3 | 2.50 | Đây là mục tương đương với mục 1.3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 2.50 |
| 1.4 | Hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp đổi GCN | Hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp đổi GCN | Hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp đổi GCN |  |  |  |  |  |
| 1.4.1 | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | Đây là mục tương đương với mục 1.4.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 1.4.2 | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.025 | Đây là mục tương đương với mục 1.4.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 2 | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và viết giấy biên nhận hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | Đây là mục tương đương với mục 2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 3 | Tạo tệp (File) dữ liệu hồ sơ số và nhập thông tin do người sử dụng đất kê khai, đăng ký | Tạo tệp (File) dữ liệu hồ sơ số và nhập thông tin do người sử dụng đất kê khai, đăng ký | Tạo tệp (File) dữ liệu hồ sơ số và nhập thông tin do người sử dụng đất kê khai, đăng ký | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.107 | Đây là mục tương đương với mục 3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Quét trang A3 |  |  |  |  | Đây là mục tương đương với mục 13.1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Quét trang A4 |  |  |  |  | Đây là mục tương đương với mục 13.1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF |  |  |  |  | Đây là mục tương đương với mục 13.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 8 | Chuyển hồ sơ đề nghị đăng ký cấp đổi GCN về cấp huyện để xét duyệt điều kiện cấp đổi GCN | Chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.050 |  |
| 8.1 | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.005 | Đây là mục tương đương với mục 8.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 8.2 | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.004 | Đây là mục tương đương với mục 8.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 4 | Kiểm tra xác định trường hợp biến động ranh giới thửa đất, hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |
| 5 | Nhận các ý kiến góp ý, xem xét các ý kiến góp ý, trả lời ý kiến góp ý |  |  |  |  |  |  |  |
| 5.1 | Theo hình thức trực tiếp |  |  |  |  |  |  |  |
| 5.2 | Theo hình thức trực tuyến |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Xác nhận vào đơn đề nghị đăng ký cấp đổi GCN với trường hợp biến động ranh giới thửa đất, hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |
| 6.1 | Theo hình thức trực tiếp |  |  |  |  |  |  |  |
| 6.2 | Theo hình thức trực tuyến |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Nhập ý kiến xác nhận của cấp xã vào tệp (File) dữ liệu hồ sơ số |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Nhận thông báo, chuyển thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất (sau khi cấp huyện xác định nghĩa vụ tài chính và gửi về phường để thông báo cho người sử dụng đất) |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | Nhận bản sao HSĐC, bản sao sổ cấp GCN để khai thác sử dụng; nhận và trao hợp đồng thuê đất (nếu có), trao GCN cho người sử dụng đất; thu và gửi lệ phí cấp GCN về cấp huyện | Nhận bản sao HSĐC, bản sao sổ cấp GCN để khai thác sử dụng; nhận và trao hợp đồng thuê đất (nếu có), trao GCN cho người sử dụng đất; thu và gửi lệ phí cấp GCN về cấp huyện |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN** |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Tiếp nhận hồ sơ đề nghị đăng ký cấp đổi GCN của người sử dụng đất từ phường chuyển đến | Tiếp nhận hồ sơ đề nghị đăng ký cấp đổi GCN của người sử dụng đất từ phường chuyển đến |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp |  |  |  |  |  |  |
| 1.2 | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Xét duyệt hồ sơ đề nghị đăng ký cấp đổi GCN; ghi nhận nội dung xét duyệt vào đơn (điều kiện và căn cứ pháp lý cấp GCN) | Kiểm tra hồ sơ đề nghị đăng ký | Kiểm tra hồ sơ đề nghị đăng ký | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.100 | Đây là mục tương đương với mục 2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 3 | Nhập ý kiến nội dung xét duyệt của cấp huyện vào tệp (File) dữ liệu hồ sơ số | Nhập ý kiến nội dung xét duyệt của cấp huyện vào tệp (File) dữ liệu hồ sơ số |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Khai thác, sử dụng thông tin về tình trạng hôn nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc thông báo cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp bản sao giấy đăng ký kết hôn hoặc giấy tờ khác về tình trạng hôn nhân | Khai thác, sử dụng thông tin về tình trạng hôn nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc thông báo cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp bản sao giấy đăng ký kết hôn hoặc giấy tờ khác về tình trạng hôn nhân | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.100 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.1 công KS3 cho việc Khai thác, sử dụng thông tin về tình trạng hôn nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc thông báo cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp bản sao giấy đăng ký kết hôn hoặc giấy tờ khác về tình trạng hôn nhân |
|  |  | Kiểm tra thực địa và đối chiếu với hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đã cấp để xác định đúng vị trí thửa đất (đối với trường hợp vị trí thửa đất trên Giấy chứng nhận đã cấp không chính xác so với vị trí thực tế sử dụng đất) | Kiểm tra thực địa và đối chiếu với hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đã cấp để xác định đúng vị trí thửa đất (đối với trường hợp vị trí thửa đất trên Giấy chứng nhận đã cấp không chính xác so với vị trí thực tế sử dụng đất) | Hồ sơ | Nhóm 2 (1KS2, 1KTV4) | 1-3 | 0.500 | Đây là nội dung công việc mới, thay đổi cách thức thực hiện theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.5 công Nhóm 2 (1KS2, 1KTV4) cho việc Kiểm tra thực địa và đối chiếu với hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đã cấp để xác định đúng vị trí thửa đất (đối với trường hợp vị trí thửa đất trên Giấy chứng nhận đã cấp không chính xác so với vị trí thực tế sử dụng đất) |
| 4 | Trích lục thửa đất | Trích lục bản đồ địa chính hoặc thông báo cho người sử dụng đất trả chi phí trích đo bản đồ địa chính thửa đất đối với nơi chưa có bản đồ địa chính | Trích lục bản đồ địa chính đối với nơi đã có bản đồ địa chính hoặc kiểm tra, ký xác nhận mảnh trích đo bản đồ địa chính |  |  |  |  | Đây là mục tương đương với mục 4 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Tuy nhiên thay đổi cách gọi theo quy định của Nghị Định 151/NĐ-CP |
| 4.1 | Trích lục trên bản đồ dạng số | Trích lục trên bản đồ dạng số | Trích lục trên bản đồ dạng số | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.025 | Đây là mục tương đương với mục 4.1của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 4.2 | Trích lục trên bản đồ dạng giấy | Trích lục trên bản đồ dạng giấy | Trích lục trên bản đồ dạng giấy | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | Đây là mục tương đương với mục 4.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 5 | Lập phiếu và chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính (nếu có), nhận thông báo nghĩa vụ tài chính | Lập và gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có) | Lập và gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có) |  |  |  |  |  |
| 5.1 | Chuyển, nhận thông tin theo hình thức liên thông | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.030 | Đây là mục tương đương với mục 5.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 5.2 | Chuyển, nhận thông tin theo hình thức trực tiếp | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.040 | Đây là mục tương đương với mục 5.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 6 | Chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính để người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có); và nhận lại hóa đơn nghĩa vụ tài chính đã thực hiện | Nhận thông báo của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính | Nhận thông báo của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính |  |  |  |  | Đây là mục tương đương với mục 6 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Tuy nhiên thay đổi cách gọi theo quy định của Nghị Định 151/NĐ-CP |
| 6.1 | Theo hình thức trực tiếp (gửi về phường để thông báo cho người sử dụng đất) | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.040 | Đây là mục tương đương với mục 6.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 6.2 | Theo hình thức trực tuyến (Gửi cho người sử dụng đất để thực hiện nghĩa vụ tài chính) | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.030 | Đây là mục tương đương với mục 6.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 7 | Nhập thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai | Nhập thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai | Nhập thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.033 | Đây là mục tương đương với mục 7 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 8 | Chuẩn bị hợp đồng cho thuê đất (nếu có) | Chuẩn bị hợp đồng cho thuê đất (nếu có) | Chuẩn bị hợp đồng cho thuê đất (nếu có) | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.200 | Đây là mục tương đương với mục 8 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 9 | In GCN | In GCN | In GCN |  |  |  |  |  |
| 9.1 | Trực tiếp từ cơ sở dữ liệu dạng số | Trực tiếp từ cơ sở dữ liệu dạng số | Trực tiếp từ cơ sở dữ liệu dạng số | GCN | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | Đây là mục tương đương với mục 9.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 9.2 | Đối với những nơi chưa có bản đồ dạng số | Đối với những nơi chưa có bản đồ dạng số | Đối với những nơi chưa có bản đồ dạng số | GCN | 1KS2 | 1-3 | 0.100 | Đây là mục tương đương với mục 9.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 10 | Lập và gửi hồ sơ trình ký GCN, lập hồ sơ theo dõi việc gửi tài liệu | Lập và gửi hồ sơ trình ký GCN, lập hồ sơ theo dõi việc gửi tài liệu | Lập và gửi hồ sơ trình ký GCN, lập hồ sơ theo dõi việc gửi tài liệu | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.040 | Đây là mục tương đương với mục 8 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 11 | Nhận lại hồ sơ, GCN, hợp đồng thuê đất (nếu có); lập và sao sổ cấp GCN; quét (sao) GCN để lưu và gửi cho cơ quan quản lý tài sản | Nhận lại hồ sơ, GCN, hợp đồng thuê đất (nếu có); lập và sao sổ cấp GCN; quét (sao) GCN để lưu | Nhận lại hồ sơ, GCN, hợp đồng thuê đất (nếu có); lập và sao sổ cấp GCN; quét (sao) GCN để lưu |  |  |  |  |  |
| 11.1 | Thông báo danh sách các trường hợp làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận cho tổ chức tín dụng nơi nhận thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; xác nhận việc đăng ký thế chấp vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau khi được cơ quan có thẩm quyền ký cấp đổi | Thông báo danh sách các trường hợp làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho bên nhận thế chấp; xác nhận việc đăng ký thế chấp vào GCN sau khi được cơ quan có thẩm quyền ký cấp đổi | Thông báo danh sách các trường hợp làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho bên nhận thế chấp; xác nhận việc đăng ký thế chấp vào GCN sau khi được cơ quan có thẩm quyền ký cấp đổi | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | Đây là mục tương đương với mục 11.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 11.2 | Văn phòng đăng ký đất đai nhận lại Giấy chứng nhận cũ đang thế chấp từ tổ chức tín dụng và trao Giấy chứng nhận mới | Văn phòng đăng ký đất đai nhận lại Giấy chứng nhận cũ đang thế chấp từ tổ chức tín dụng và trao Giấy chứng nhận mới | Văn phòng đăng ký đất đai nhận lại Giấy chứng nhận cũ đang thế chấp từ tổ chức tín dụng và trao Giấy chứng nhận mới | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | Đây là mục tương đương với mục 11.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 12 | Nhập bổ sung thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận | Nhập bổ sung thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận | Nhập bổ sung thông tin dữ liệu về Giấy chứng nhận | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.033 | Đây là mục tương đương với mục 12 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 13 | Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin | Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin | Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin |  |  |  |  |  |
| 13.1 | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất |  |  |  |  |  |
| 13.1.1 | Quét trang A3 | Quét trang A3 | Quét trang A3 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.016 | Đây là mục tương đương với mục 13.1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 13.1.2 | Quét trang A4 | Quét trang A4 | Quét trang A4 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.008 | Đây là mục tương đương với mục 13.1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 13.2 | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.004 | Đây là mục tương đương với mục 13.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 13.3 | Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu | Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu | Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu | Thửa | 1KS1 | 1-3 | 0.010 | Đây là mục tương đương với mục 13.3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 14 | Chuyển GCN đã ký về phường để trao cho người sử dụng đất, bản sao sổ cấp GCN, nhận lệ phí cấp GCN, nộp kho bạc | Chuyển GCN đã ký về phường để trao cho người sử dụng đất, bản sao sổ cấp GCN, nhận lệ phí cấp GCN, nộp kho bạc | Chuyển Giấy chứng nhận đến Bộ phận một cửa để trao cho người sử dụng đất hoặc chuyển Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất thông qua dịch vụ bưu chính công ích | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.020 | Đây là mục tương đương với mục 14 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 15 | Nhận hồ sơ địa chính từ cấp tỉnh và gửi về cấp xã (01 bộ) | Nhận hồ sơ địa chính từ cấp tỉnh và gửi về cấp xã (01 bộ) | Nhận hồ sơ địa chính từ cấp tỉnh và gửi về cấp xã (01 bộ) | Bộ/ Phường | 1KS2 | 1-3 | 32.000 | Đây là mục tương đương với mục 15 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| **III** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH** |  |  |  |  |  |
| 1 | Lập hồ sơ địa chính | Lập hồ sơ địa chính | Lập hồ sơ địa chính |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Hoàn thiện BĐĐC và Sổ mục kê đất đai theo kết quả đăng ký, cấp GCN | Hoàn thiện BĐĐC và Sổ mục kê đất đai theo kết quả đăng ký, cấp GCN | Hoàn thiện BĐĐC và Sổ mục kê đất đai theo kết quả đăng ký, cấp GCN | Bộ/đĩa | 1KS4 | 1-3 | 1200 | Đây là mục tương đương với mục 1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 1.2 | Lập, hoàn thiện sổ địa chính điện tử | Lập, hoàn thiện sổ địa chính điện tử | Lập, hoàn thiện sổ địa chính điện tử | Thửa | 1KS4 | 1-3 | 0.010 | Đây là mục tương đương với mục 1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 2 | Sao, in ấn hồ sơ địa chính để cung cấp cho phường quản lý và khai thác sử dụng | Sao, in ấn hồ sơ địa chính để cung cấp cho phường quản lý và khai thác sử dụng | Sao, in ấn hồ sơ địa chính để cung cấp cho Phường quản lý và khai thác sử dụng |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Bản đồ địa chính | Bản đồ địa chính | Bản đồ địa chính | Tờ | 1KS4 | 1-3 | 0.025 | Đây là mục tương đương với mục 2.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 2.2 | Sao sổ địa chính, sổ mục kê | Sao sổ địa chính, sổ mục kê | Sao sổ địa chính, sổ mục kê | Bộ/đĩa | 1KS4 | 1-3 | 8.000 | Đây là mục tương đương với mục 2.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 3 | Bàn giao HSĐC cho cấp huyện/ phường để quản lý và khai thác sử dụng | Bàn giao HSĐC cho cấp huyện/ phường để quản lý và khai thác sử dụng | Bàn giao HSĐC cho Phường để quản lý và khai thác sử dụng | Bộ/ Phường | 1KS4 | 1-3 | 32.000 | Đây là mục tương đương với mục 3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |

IX. ĐĂNG KÝ, CẤP ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN RIÊNG LẺ ĐỐI VỚI HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ, NGƯỜI GỐC VIỆT NAM ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI

*Bảng 12*

| **TT** | **Nội dung công việc (ĐM 14)** | **Nội dung công việc (Luật 2024)** | **Nội dung công việc (NĐ 151/2025)** | **ĐVT** | **Định biên** | **KK** | **Định mức** | | | **Giải trình nội dung xây dựng, sửa đổi, bổ sung** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *(Công nhóm/ĐVT)* | | |
| **ĐM Đất** | **ĐM TS** | **ĐM Đất+TS** |  |
| **I** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP XÃ HOẶC CẤP HUYỆN** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP XÃ** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp đổi, cấp lại GCN | Hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp đổi, cấp lại GCN | Hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp đổi, cấp lại GCN |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.150 | 0.150 | 0.195 | Đây là mục tương đương với mục 1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 1.2 | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.100 | 0.100 | 0.130 | Đây là mục tương đương với mục 1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 2 | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và viết (xuất) giấy biên nhận hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ, thống nhất và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.200 | 0.200 | 0.260 | Đây là mục tương đương với mục 2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 3 | Tạo tệp (File) dữ liệu hồ sơ số và nhập thông tin do người sử dụng đất kê khai, đăng ký | Tạo tệp (File) dữ liệu hồ sơ số và nhập thông tin do người sử dụng đất kê khai, đăng ký | Tạo tệp (File) dữ liệu hồ sơ số và nhập thông tin do người sử dụng đất kê khai, đăng ký | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.107 | 0.033 | 0.167 | Đây là mục tương đương với mục 3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất |  |  | 1-3 |  |  |  | Đây là mục tương đương với mục 11.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Quét trang A3 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.016 | 0.020 | 0.024 | Đây là mục tương đương với mục 11.1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Quét trang A4 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.008 | 0.010 | 0.012 | Đây là mục tương đương với mục 11.1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.004 | 0.005 | 0.006 | Đây là mục tương đương với mục 11.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  | Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai | Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.05 | 0.05 | 0.05 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.05 công KS2 cho việc Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai Theo hình thức trực tiếp |
|  |  | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.04 | 0.04 | 0.04 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.04 công KS2 cho việc Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai Theo hình thức trực tuyến |
|  |  | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Tiếp nhận hồ sơ đề nghị đăng ký của người sử dụng đất từ cấp xã chuyển đến |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Theo hình thức trực tiếp |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Theo hình thức trực tuyến |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Kiểm tra hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp đổi, cấp lại GCN và xác nhận vào đơn, căn cứ pháp lý; niêm yết công khai thông báo các trường hợp mất GCN | Kiểm tra hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận | Kiểm tra hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.500 | 0.500 | 0.650 |  |
|  |  | - Trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận: | - Trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận: |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | + Khai thác, sử dụng thông tin về tình trạng hôn nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc thông báo cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp bản sao giấy đăng ký kết hôn hoặc giấy tờ khác về tình trạng hôn nhân | + Khai thác, sử dụng thông tin về tình trạng hôn nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc thông báo cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp bản sao giấy đăng ký kết hôn hoặc giấy tờ khác về tình trạng hôn nhân | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.100 | 0.100 | 0.100 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.1 công KS3 cho việc Khai thác, sử dụng thông tin về tình trạng hôn nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc thông báo cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp bản sao giấy đăng ký kết hôn hoặc giấy tờ khác về tình trạng hôn nhân |
|  |  | + Kiểm tra thực địa và đối chiếu với hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đã cấp để xác định đúng vị trí thửa đất (đối với trường hợp vị trí thửa đất trên Giấy chứng nhận đã cấp không chính xác so với vị trí thực tế sử dụng đất) | + Kiểm tra thực địa và đối chiếu với hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đã cấp để xác định đúng vị trí thửa đất (đối với trường hợp vị trí thửa đất trên Giấy chứng nhận đã cấp không chính xác so với vị trí thực tế sử dụng đất) | Hồ sơ | Nhóm 2 (1KS2, 1KTV4) | 1-3 | 0.500 | 0.500 | 0.700 | Đây là nội dung công việc mới, thay đổi cách thức thực hiện theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.5 công Nhóm 2 (1KS2, 1KTV4) cho việc Kiểm tra thực địa và đối chiếu với hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đã cấp để xác định đúng vị trí thửa đất (đối với trường hợp vị trí thửa đất trên Giấy chứng nhận đã cấp không chính xác so với vị trí thực tế sử dụng đất) |
|  |  | - Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: | Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | + Thông báo, trả lại hồ sơ cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp không đủ điều kiện thực hiện thủ tục đăng ký | Thông báo, trả lại hồ sơ cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp không đủ điều kiện thực hiện thủ tục đăng ký | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.500 | 0.500 | 0.650 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.1 công KS3 cho việc Thông báo, trả lại hồ sơ cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp không đủ điều kiện thực hiện thủ tục đăng ký |
|  |  | + Chuyển thông tin đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất để thực hiện các công việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất | Chuyển thông tin đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất để thực hiện các công việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.150 | 0.150 | 0.195 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.150 công KS2 cho việc Chuyển thông tin đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất để thực hiện các công việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất |
|  |  |  | Niêm yết công khai về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và điểm dân cư nơi có đất; đồng thời tiếp nhận phản ánh trong thời gian niêm yết công khai về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp | Hồ sơ | 1KTV4 | 1-3 | 0.060 | 0.060 | 0.078 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.060 công KTV4 cho việc Niêm yết công khai về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và điểm dân cư nơi có đất; đồng thời tiếp nhận phản ánh trong thời gian niêm yết công khai về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp |
|  |  |  | Lập biên bản kết thúc niêm yết và gửi đến Văn phòng đăng ký đất đai | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.500 | 0.500 | 0.650 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.50 công KS3 cho việc Lập biên bản kết thúc niêm yết và gửi đến Văn phòng đăng ký đất đai |
|  |  |  | Đăng tin 03 lần trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương trong thời gian 15 ngày về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, chi phí đăng tin do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chi trả | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.150 | 0.150 | 0.195 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng lập được 20 hồ sơ/ngày. Áp dụng định biên 1KS2 0,15 công/hồ sơ |
| 5 | Nhập ý kiến nội dung xác nhận của cấp huyện vào tệp (File) dữ liệu hồ sơ số | Nhập nội dung của cấp huyện vào tệp (File) dữ liệu hồ sơ số | Nhập nội dung của cấp huyện vào tệp (File) dữ liệu hồ sơ số | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.006 | 0.006 | 0.006 | Đây là mục tương đương với mục 5 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 6 | Trích lục thửa đất từ BĐĐC, các loại bản đồ, sơ đồ khác (trường hợp phải trích đo địa chính hoặc chỉnh lý bản đồ thửa đất thì áp dụng định mức theo quy định tại Chương I Phần II) | Trích lục bản đồ địa chính hoặc thông báo cho người sử dụng đất trả chi phí trích đo bản đồ địa chính thửa đất đối với nơi chưa có bản đồ địa chính | Trích lục bản đồ địa chính đối với nơi đã có bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính |  |  |  |  |  |  |  |
| 6.1 | Trích lục trên bản đồ dạng số | Trích lục trên bản đồ dạng số | Trích lục trên bản đồ dạng số | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | 0.000 | 0.050 | Đây là mục tương đương với mục 6.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 6.2 | Trích lục trên bản đồ dạng giấy | Trích lục trên bản đồ dạng giấy | Trích lục trên bản đồ dạng giấy | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.100 | 0.000 | 0.100 | Đây là mục tương đương với mục 6.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  | Lập và gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có) | Lập và gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.100 | 0.100 | 0.130 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.11 công KS3 cho việc Lập và gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có) theo hình thức liên thông |
|  |  | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.200 | 0.200 | 0.260 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.2 công KS3 cho việc Lập và gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có) theo hình thức trực tiếp |
|  |  | Nhận thông báo của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính | Nhận thông báo của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.040 | 0.040 | 0.040 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.04 công KS2 cho việc Nhận thông báo của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo hình thức liên thông |
|  |  | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.030 | 0.030 | 0.030 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.03 công KS2 cho việc Lập và gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có) theo hình thức trực tiếp |
| 7 | Nhập thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính | Nhập thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính | Nhập thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.107 | 0.033 | 0.167 | Đây là mục tương đương với mục 7 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 8 | In GCN | In GCN | In GCN |  |  | 1-3 |  |  |  |  |
| 8.1 | Trực tiếp từ cơ sở dữ liệu dạng số | Trực tiếp từ cơ sở dữ liệu dạng số | Trực tiếp từ cơ sở dữ liệu dạng số | GCN | 1KS2 | 1-3 | 0.100 | 0.100 | 0.100 | Đây là mục tương đương với mục 8.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 8.2 | Đối với những nơi chưa có bản đồ dạng số | Đối với những nơi chưa có bản đồ dạng số | Đối với những nơi chưa có bản đồ dạng số | GCN | 1KS2 | 1-3 | 0.150 | 0.200 | 0.200 | Đây là mục tương đương với mục 8.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 9 | Trích sao số liệu địa chính, dự thảo quyết định hủy GCN bị mất, lập và gửi tờ trình đề nghị hủy GCN cũ và cấp lại GCN mới kèm theo hồ sơ đề nghị đăng ký cấp GCN đến cơ quan có thẩm quyền, lập sổ theo dõi hồ sơ | Trích sao số liệu địa chính, quyết định hủy GCN bị mất, cấp đổi, cấp lại GCN, lập sổ theo dõi hồ sơ | Trích sao số liệu địa chính, quyết định hủy GCN bị mất, cấp đổi, cấp lại GCN, lập sổ theo dõi hồ sơ | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.400 | 0.400 | 0.520 | Đây là mục tương đương với mục 9 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 10 | Nhận lại hồ sơ, GCN, cập nhật chỉnh lý HSĐC, thu phí, lệ phí, nộp kho bạc, gửi cho cơ quan quản lý tài sản (nếu có); gửi thông báo biến động cho xã, thị trấn | Cập nhật chỉnh lý HSĐC, thu phí, lệ phí, nộp kho bạc; gửi thông báo biến động cho cấp xã | Cập nhật chỉnh lý HSĐC, thu phí, lệ phí, nộp kho bạc; gửi thông báo biến động cho cấp xã | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.370 | 0.370 | 0.444 | Đây là mục tương đương với mục 10 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 11 | Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin | Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin | Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin |  |  |  |  |  |  |  |
| 11.1 | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất |  |  |  |  |  |  |  |
| 11.1.1 | Quét trang A3 | Quét trang A3 | Quét trang A3 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.016 | 0.016 | 0.016 | Đây là mục tương đương với mục 11.1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 11.1.2 | Quét trang A4 | Quét trang A4 | Quét trang A4 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.008 | 0.008 | 0.008 | Đây là mục tương đương với mục 11.1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 11.2 | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.004 | 0.004 | 0.004 | Đây là mục tương đương với mục 11.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 11.3 | Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu | Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu | Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu | Thửa | 1KS1 | 1-3 | 0.010 | 0.010 | 0.010 | Đây là mục tương đương với mục 11.3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 12 | Thông báo danh sách các trường hợp làm thủ tục cấp đổi GCN cho tổ chức tín dụng nơi nhận thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; xác nhận việc đăng ký thế chấp vào GCN sau khi được cơ quan có thẩm quyền ký cấp đổi | Thông báo danh sách các trường hợp làm thủ tục cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận cho bên nhận thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; xác nhận việc đăng ký thế chấp vào GCN sau khi được cơ quan có thẩm quyền ký cấp đổi, cấp lại | Thông báo danh sách các trường hợp làm thủ tục cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận cho bên nhận thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; xác nhận việc đăng ký thế chấp vào GCN sau khi được cơ quan có thẩm quyền ký cấp đổi, cấp lại | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | 0.050 | 0.065 | Đây là mục tương đương với mục 12 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 13 | Văn phòng đăng ký đất đai nhận lại GCN cũ đang thế chấp từ tổ chức tín dụng và trao GCN mới | Văn phòng đăng ký đất đai nhận lại GCN cũ đang thế chấp từ tổ chức tín dụng và trao GCN mới | Chuyển Giấy chứng nhận đến Bộ phận một cửa để trao cho người sử dụng đất hoặc chuyển Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc Văn phòng đăng ký đất đai nhận lại GCN cũ đang thế chấp từ tổ chức tín dụng và trao GCN mới | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | 0.050 | 0.065 | Đây là mục tương đương với mục 13 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| **II** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN XÃ, THỊ TRẤN** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN TỈNH** |  |  |  | 1-3 |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Nhận thông báo biến động, chỉnh lý vào HSĐC của xã, thị trấn | Nhận thông báo biến động, chỉnh lý vào HSĐC của xã, thị trấn | Nhận thông báo biến động, chỉnh lý vào HSĐC của xã, thị trấn | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.020 | 0.020 | 0.026 |  |
|  |  |  | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH** |  |  | 1-3 |  |  |  |  |
|  |  |  | Nhận thông báo, cập nhật HSĐC | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.04 | 0.04 | 0.052 | Đây là mục tương đương với mục 9 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |

X. ĐĂNG KÝ, CẤP ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN RIÊNG LẺ ĐỐI VỚI TỔ CHỨC, TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI CÓ CHỨC NĂNG NGOẠI GIAO, TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI

*Bảng 13*

| **TT** | **Nội dung công việc (ĐM 14)** | **Nội dung công việc (Luật 2024)** | **Nội dung công việc (NĐ 151/2025)** | **ĐVT** | **Định biên** | **KK** | **Định mức** | | | **Giải trình nội dung xây dựng, sửa đổi, bổ sung** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *(Công nhóm/ĐVT)* | | |
| **ĐM** | **ĐM** | **ĐM Đất+TS** |  |
| **Đất** | **TS** |
| **I** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị cấp lại hoặc đề nghị cấp đổi GCN | Hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị cấp lại hoặc đề nghị cấp đổi GCN | Hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị cấp lại hoặc đề nghị cấp đổi GCN |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.250 | 0.250 | 0.325 | Đây là mục tương đương với mục 1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 1.2 | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.200 | 0.200 | 0.260 | Đây là mục tương đương với mục 1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 2 | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ, thống nhất và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.200 | 0.200 | 0.260 | Đây là mục tương đương với mục 2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 3 | Tạo tệp (File) dữ liệu hồ sơ số và nhập thông tin do người sử dụng đất kê khai, đăng ký | Tạo tệp (File) dữ liệu hồ sơ số và nhập thông tin do người sử dụng đất kê khai, đăng ký | Tạo tệp (File) dữ liệu hồ sơ số và nhập thông tin do người sử dụng đất kê khai, đăng ký | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.107 | 0.033 | 0.167 | Đây là mục tương đương với mục 3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Quét trang A3 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.016 | 0.020 | 0.024 | Đây là mục tương đương với mục 11.1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Quét trang A4 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.008 | 0.010 | 0.012 | Đây là mục tương đương với mục 11.1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.004 | 0.005 | 0.006 | Đây là mục tương đương với mục 11.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  | Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai | Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.05 | 0.05 | 0.05 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.05 công KS2 cho việc Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai Theo hình thức trực tiếp |
|  |  | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.04 | 0.04 | 0.04 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.04 công KS2 cho việc Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai Theo hình thức trực tuyến |
| 4 | Kiểm tra hồ sơ, đối chiếu với hồ sơ gốc, xác nhận vào đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại GCN; niêm yết công khai thông báo các trường hợp mất GCN. | Kiểm tra hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận | Kiểm tra hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận | Hồ sơ | 1KS4 | 1-3 | 1.000 | 1.000 | 1.300 | Đây là mục tương đương với mục 4 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  | - Trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận: | Trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận: |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Kiểm tra thực địa và đối chiếu với hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đã cấp để xác định đúng vị trí thửa đất (đối với trường hợp vị trí thửa đất trên Giấy chứng nhận đã cấp không chính xác so với vị trí thực tế sử dụng đất) | Kiểm tra thực địa và đối chiếu với hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đã cấp để xác định đúng vị trí thửa đất (đối với trường hợp vị trí thửa đất trên Giấy chứng nhận đã cấp không chính xác so với vị trí thực tế sử dụng đất) | Hồ sơ | Nhóm 2 (1KS3, 1KS2) | 1-3 | 0.500 | 0.500 | 0.800 | Đây là nội dung công việc mới, thay đổi cách thức thực hiện theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.5 công Nhóm 2 (1KS2, 1KTV4) cho việc Kiểm tra thực địa và đối chiếu với hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đã cấp để xác định đúng vị trí thửa đất (đối với trường hợp vị trí thửa đất trên Giấy chứng nhận đã cấp không chính xác so với vị trí thực tế sử dụng đất) |
|  |  | - Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: | Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Thông báo, trả lại hồ sơ cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp không đủ điều kiện thực hiện thủ tục đăng ký | Thông báo, trả lại hồ sơ cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp không đủ điều kiện thực hiện thủ tục đăng ký | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.500 | 0.500 | 0.650 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.5 công KS3 cho việc Thông báo, trả lại hồ sơ cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp không đủ điều kiện thực hiện thủ tục đăng ký |
|  |  | Thông báo việc đăng tin 03 lần trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương trong thời gian 15 ngày về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp | Thông báo việc đăng tin 03 lần trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương trong thời gian 15 ngày về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.200 | 0.200 | 0.300 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.2 công KS3 cho việc Thông báo việc đăng tin 03 lần trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương trong thời gian 15 ngày về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp |
| 5 | Nhập ý kiến nội dung xác nhận của cấp tỉnh vào tệp (File) dữ liệu hồ sơ số | Nhập ý kiến nội dung xác nhận của cấp tỉnh vào tệp (File) dữ liệu hồ sơ số | Nhập ý kiến nội dung xác nhận của cấp tỉnh vào tệp (File) dữ liệu hồ sơ số | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.006 | 0.006 | 0.006 | Đây là mục tương đương với mục 5 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 6 | Trích lục thửa đất từ BĐĐC, các loại bản đồ, sơ đồ khác (trường hợp phải trích đo địa chính hoặc chỉnh lý bản đồ thửa đất thì áp dụng định mức theo quy định tại Chương I Phần II) | Trích lục bản đồ địa chính hoặc thông báo cho người sử dụng đất trả chi phí trích đo bản đồ địa chính thửa đất đối với nơi chưa có bản đồ địa chính | Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính |  |  |  |  |  |  |  |
| 6.1 | Trích lục trên bản đồ dạng số | Trích lục trên bản đồ dạng số | Trích lục trên bản đồ dạng số | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | 0.000 | 0.050 | Đây là mục tương đương với mục 6.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 6.2 | Trích lục trên bản đồ dạng giấy | Trích lục trên bản đồ dạng giấy | Trích lục trên bản đồ dạng giấy | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.100 | 0.000 | 0.100 | Đây là mục tương đương với mục 6.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  | Lập và gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có) | Lập và gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.080 | 0.080 | 0.100 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.080 công KS3 cho việc Lập và gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có) theo hình thức liên thông |
|  |  | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.100 | 0.100 | 0.150 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.100 công KS3 cho việc Lập và gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có) theo hình thức trực tiếp |
|  |  | Nhận thông báo của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính | Nhận thông báo của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.040 | 0.040 | 0.040 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.040 công KS2 cho việc Nhận thông báo của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo hình thức liên thông |
|  |  | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.030 | 0.030 | 0.030 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.030 công KS3 cho việc Nhận thông báo của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo hình thức trực tiếp |
| 7 | Nhập thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính | Nhập thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính | Nhập thông tin thửa đất, tài sản gắn liền với đất, đăng ký vào hồ sơ địa chính | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.107 | 0.033 | 0.167 | Đây là mục tương đương với mục 7 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 8 | In GCN | In GCN | In GCN |  |  | 1-3 |  |  |  |  |
| 8.1 | Trực tiếp từ cơ sở dữ liệu dạng số | Trực tiếp từ cơ sở dữ liệu dạng số | Trực tiếp từ cơ sở dữ liệu dạng số | GCN | 1KS2 | 1-3 | 0.100 | 0.100 | 0.100 | Đây là mục tương đương với mục 8.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 8.2 | Đối với những nơi chưa có bản đồ dạng số | Đối với những nơi chưa có bản đồ dạng số | Đối với những nơi chưa có bản đồ dạng số | GCN | 1KS2 | 1-3 | 0.150 | 0.200 | 0.200 | Đây là mục tương đương với mục 8.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 9 | Trích sao số liệu địa chính, dự thảo quyết định hủy GCN bị mất, lập và gửi tờ trình đề nghị hủy GCN cũ và cấp lại GCN mới kèm theo hồ sơ đề nghị cấp GCN đến cơ quan có thẩm quyền, lập sổ theo dõi hồ sơ | Trích sao số liệu địa chính, quyết định hủy GCN bị mất, cấp đổi, cấp lại GCN, lập sổ theo dõi hồ sơ | Trích sao số liệu địa chính, quyết định hủy GCN bị mất, cấp đổi, cấp lại GCN, lập sổ theo dõi hồ sơ | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.500 | 0.500 | 0.650 | Đây là mục tương đương với mục 9 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 10 | Nhận lại hồ sơ, GCN, cập nhật chỉnh lý HSĐC, thu phí, lệ phí, nộp kho bạc, gửi cho cơ quan quản lý tài sản (nếu có); gửi thông báo biến động cho cấp huyện, xã, thị trấn | Cập nhật chỉnh lý HSĐC, thu phí, lệ phí, nộp kho bạc; gửi thông báo biến động cho cấp xã | Cập nhật chỉnh lý HSĐC, thu phí, lệ phí, nộp kho bạc; gửi thông báo biến động cho cấp xã | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.470 | 0.470 | 0.611 | Đây là mục tương đương với mục 10 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 11 | Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin | Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin | Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin |  |  |  |  |  |  |  |
| 11.1 | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất |  |  |  |  |  |  |  |
| 11.1.1 | Quét trang A3 | Quét trang A3 | Quét trang A3 | 2Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.016 | 0.016 | 0.016 | Đây là mục tương đương với mục 11.1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 11.1.2 | Quét trang A4 | Quét trang A4 | Quét trang A4 | 3Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.008 | 0.008 | 0.008 | Đây là mục tương đương với mục 11.1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 11.2 | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | 5Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.004 | 0.004 | 0.004 | Đây là mục tương đương với mục 11.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 11.3 | Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu | Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu | Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu | Thửa | 1KS1 | 1-3 | 0.010 | 0.010 | 0.010 | Đây là mục tương đương với mục 11.3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 12 | Thông báo danh sách các trường hợp làm thủ tục cấp đổi GCN cho tổ chức tín dụng nơi nhận thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; xác nhận việc đăng ký thế chấp vào GCN sau khi được cơ quan có thẩm quyền ký cấp đổi | Thông báo danh sách các trường hợp làm thủ tục cấp đổi GCN cho bên nhận thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; xác nhận việc đăng ký thế chấp vào GCN sau khi được cơ quan có thẩm quyền ký cấp đổi | Thông báo danh sách các trường hợp làm thủ tục cấp đổi GCN cho bên nhận thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; xác nhận việc đăng ký thế chấp vào GCN sau khi được cơ quan có thẩm quyền ký cấp đổi | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | 0.050 | 0.065 | Đây là mục tương đương với mục 12 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 13 | Văn phòng đăng ký đất đai nhận lại GCN cũ đang thế chấp từ tổ chức tín dụng và trao GCN mới | Văn phòng đăng ký đất đai nhận lại GCN cũ đang thế chấp từ tổ chức tín dụng và trao GCN mới | Chuyển Giấy chứng nhận đến Bộ phận một cửa để trao cho người sử dụng đất hoặc chuyển Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc Văn phòng đăng ký đất đai nhận lại GCN cũ đang thế chấp từ tổ chức tín dụng và trao GCN mới | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | 0.050 | 0.065 | Đây là mục tương đương với mục 13 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| **II** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Cấp huyện nhận thông báo, cập nhật HSĐC | Cấp huyện nhận thông báo, cập nhật HSĐC |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN XÃ, THỊ TRẤN** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN XÃ, THỊ TRẤN** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN XÃ, THỊ TRẤN** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Địa bàn xã, thị trấn (đối với những nơi chưa xây dựng CSDL) nhận thông báo, cập nhật HSĐC | Địa bàn xã, thị trấn (đối với những nơi chưa xây dựng CSDL) nhận thông báo, cập nhật HSĐC | Địa bàn xã, thị trấn (đối với những nơi chưa xây dựng CSDL) nhận thông báo, cập nhật HSĐC | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.020 | 0.020 | 0.026 | Đây là mục tương đương với mục 1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |

XI. ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI ĐỐI VỚI HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ, NGƯỜI GỐC VIỆT NAM ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI

*Bảng 14*

| **TT** | **Nội dung công việc** | **Nội dung công việc** | **Nội dung công việc (NĐ 151/2025)** | **ĐVT** | **Định biên** | **KK** | **Định mức** | | | **Giải trình nội dung xây dựng, sửa đổi, bổ sung** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *(Công nhóm/ĐVT)* | | |
| **ĐM Đất** | **ĐM TS** | **ĐM Đất+TS** |  |
| **I** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP XÃ** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Hướng dẫn lập hồ sơ đăng ký biến động đất đai | Hướng dẫn lập hồ sơ đăng ký biến động đất đai | Hướng dẫn lập hồ sơ đăng ký biến động đất đai |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.200 | 0.200 | 0.260 | Đây là mục tương đương với mục 1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 1.2 | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.150 | 0.150 | 0.195 | Đây là mục tương đương với mục 1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 2 | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và viết (xuất) giấy biên nhận hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.250 | 0.250 | 0.325 | Đây là mục tương đương với mục 2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 3 | Tạo tệp (File) dữ liệu hồ sơ số và nhập thông tin do người sử dụng đất kê khai, đăng ký | Tạo tệp (File) dữ liệu hồ sơ số và nhập thông tin do người sử dụng đất kê khai, đăng ký | Tạo tệp (File) dữ liệu hồ sơ số và nhập thông tin do người sử dụng đất kê khai, đăng ký | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.107 | 0.033 | 0.167 | Đây là mục tương đương với mục 3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Quét trang A3 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.016 | 0.020 | 0.024 | Đây là mục tương đương với mục 13.1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Quét trang A4 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.008 | 0.010 | 0.012 | Đây là mục tương đương với mục 13.1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.004 | 0.005 | 0.006 | Đây là mục tương đương với mục 13.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  | Chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết | Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.05 | 0.05 | 0.05 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.05 công KS2 cho việc Chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết Theo hình thức trực tiếp |
|  |  | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.04 | 0.04 | 0.04 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.04 công KS2 cho việc Chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết Theo hình thức trực tuyến |
| 4 | Kiểm tra hồ sơ, tình trạng pháp lý nội dung kê khai so với hiện trạng, đối chiếu với hồ sơ gốc; kiểm tra thực địa trong trường hợp cần thiết, ghi ý kiến vào hồ sơ; kiểm tra xác nhận sơ đồ tài sản trong trường hợp biến động về tài sản chưa có xác nhận của pháp nhân hành nghề đo đạc, xây dựng và lấy ý kiến cơ quan quản lý tài sản nếu cần thiết | Kiểm tra các điều kiện thực hiện quyền theo quy định của Luật Đất đai đối với trường hợp thực hiện quyền của người sử dụng đất, của chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất. Trường hợp không đủ điều kiện thực hiện quyền theo quy định của Luật Đất đai hoặc nhận được một trong các văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc dừng giải quyết thủ tục thì thông báo lý do và trả hồ sơ. | Kiểm tra các điều kiện thực hiện quyền theo quy định của Luật Đất đai đối với trường hợp thực hiện quyền của người sử dụng đất, của chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất. Trường hợp không đủ điều kiện thực hiện quyền theo quy định của Luật Đất đai hoặc nhận được một trong các văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc dừng giải quyết thủ tục thì thông báo lý do và trả hồ sơ. | Hồ sơ | Nhóm 2 (1KS2, 1KTV4) | 1-3 | 0.600 | 0.900 | 1.080 | Đây là mục tương đương với mục 4 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  | Thông báo bằng văn bản cho bên chuyển quyền hoặc thực hiện đăng tin 03 lần trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận diện tích tăng thêm hoặc thông báo cho người sử dụng đất về hủy kết quả đăng ký | Thông báo bằng văn bản cho bên chuyển quyền hoặc thực hiện đăng tin 03 lần trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận diện tích tăng thêm hoặc thông báo cho người sử dụng đất về hủy kết quả đăng ký | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.200 | 0.200 | 0.260 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.2 công KS3 cho việc Thông báo việc đăng tin 03 lần trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương trong thời gian 15 ngày về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp |
|  |  | Thông báo cho chủ đầu tư cung cấp các giấy tờ quy định | Thông báo cho chủ đầu tư cung cấp các giấy tờ quy định | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.300 | 0.300 | 0.400 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.3 công KS3 cho việc Thông báo cho chủ đầu tư cung cấp các giấy tờ quy định |
|  |  | Hướng dẫn các bên nộp đơn đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định | Hướng dẫn các bên nộp đơn đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.200 | 0.200 | 0.260 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.2 công KS3 cho việc Hướng dẫn các bên nộp đơn đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định |
|  |  | Kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận trước đây, trình cơ quan có thẩm quyền xác định lại diện tích đất ở hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ký, ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc lập biên bản kết luận về nội dung và nguyên nhân sai sót hoặc trình, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận | Kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận trước đây, trình cơ quan có thẩm quyền xác định lại diện tích đất ở hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ký, ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc lập biên bản kết luận về nội dung và nguyên nhân sai sót hoặc trình, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 1.000 | 1.000 | 1.200 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 1 công KS3 cho việc Kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận trước đây, trình cơ quan có thẩm quyền xác định lại diện tích đất ở hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ký, ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc lập biên bản kết luận về nội dung và nguyên nhân sai sót hoặc trình, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận |
|  |  | Xác định giá đất, ký hợp đồng thuê đất (đối với trường hợp: chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức; bên mua, bên nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê); thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế về việc hết hiệu lực của hợp đồng thuê đất đối với bên bán, bên góp vốn bằng tài sản | Thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế về việc chấm dứt quyền và nghĩa vụ của bên chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong hợp đồng thuê đất | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 1.000 | 1.000 | 1.200 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 1 công KS3 cho việc Xác định giá đất, ký hợp đồng thuê đất (đối với trường hợp: chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức; bên mua, bên nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê); thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế về việc hết hiệu lực của hợp đồng thuê đất đối với bên bán, bên góp vốn bằng tài sản |
|  |  | Thông báo cho người có quyền và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật dân sự nộp giấy tờ chứng minh để tiếp tục thực hiện thủ tục đối với trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không tiếp tục thực hiện thủ tục | Thông báo cho người có quyền và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật dân sự nộp giấy tờ chứng minh để tiếp tục thực hiện thủ tục đối với trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không tiếp tục thực hiện thủ tục | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.200 | 0.200 | 0.260 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.2 công KS3 cho việc Thông báo cho người có quyền và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật dân sự nộp giấy tờ chứng minh để tiếp tục thực hiện thủ tục đối với trường hợp người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không tiếp tục thực hiện thủ tục |
|  |  |  | Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất về việc làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho người nhận chuyển quyền | Hồ sơ | 1KTV4 | 1-3 | 0.060 | 0.060 | 0.078 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.060 công KTV4 cho việc Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất về việc làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho người nhận chuyển quyền |
|  |  |  | Xác nhận hiện trạng sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất, xác nhận đất sử dụng ổn định, xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, xác nhận sự phù hợp với quy hoạch | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | 0.050 | 0.065 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.050 công KS2 cho việc Xác nhận hiện trạng sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất, xác nhận đất sử dụng ổn định, xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, xác nhận sự phù hợp với quy hoạch |
|  |  |  | Chuyển Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai văn bản về xác nhận về tình trạng sạt lở tự nhiên hoặc văn bản về việc tặng cho quyền sử dụng đất | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.100 | 0.100 | 0.150 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.100 công KS2 cho việc Chuyển Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai văn bản về xác nhận về tình trạng sạt lở tự nhiên hoặc văn bản về việc tặng cho quyền sử dụng đất |
| 5 | Nhập ý kiến nội dung xác nhận của cấp huyện vào tệp (File) dữ liệu hồ sơ số | Nhập nội dung xác nhận của cấp huyện vào tệp (File) dữ liệu hồ sơ số | Nhập nội dung xác nhận của cấp huyện vào tệp (File) dữ liệu hồ sơ số | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.006 | 0.006 | 0.006 | Đây là mục tương đương với mục 5 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 6 | Trích lục thửa đất từ BĐĐC, các loại bản đồ, sơ đồ khác (trường hợp phải trích đo địa chính hoặc chỉnh lý bản đồ thửa đất thì áp dụng định mức theo quy định tại Chương I phần II) | Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất đối với nơi chưa có bản đồ địa chính | Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính |  |  |  |  |  |  |  |
| 6.1 | Trích lục trên bản đồ dạng số | Trích lục trên bản đồ dạng số | Trích lục trên bản đồ dạng số | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | 0.000 | 0.050 | Đây là mục tương đương với mục 6.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 6.2 | Trích lục trên bản đồ dạng giấy | Trích lục trên bản đồ dạng giấy | Trích lục trên bản đồ dạng giấy | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.100 | 0.000 | 0.100 | Đây là mục tương đương với mục 6.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 7 | Lập và gửi phiếu chuyển thông tin địa chính cho cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính; nhận và gửi thông báo nghĩa vụ tài chính | Lập và gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có) | Lập và gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có) | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.200 | 0.200 | 0.260 | Đây là mục tương đương với mục 7 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.030 | 0.030 | 0.030 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.030 công KS3 cho việc Chuyển thông tin theo hình thức liên thông |
|  |  | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.040 | 0.040 | 0.040 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.040 công KS3 cho việc Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp |
|  |  | Nhận thông báo của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính | Nhận thông báo của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.040 | 0.040 | 0.040 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.040 công KS2 cho việc Chuyển thông tin theo hình thức liên thông |
|  |  | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.030 | 0.030 | 0.030 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.030 công KS2 cho việc Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp |
| 8 | Nhập thông tin về nghĩa vụ tài chính, đăng ký vào hồ sơ địa chính | Nhập thông tin về nghĩa vụ tài chính, đăng ký vào hồ sơ địa chính | Nhập thông tin về nghĩa vụ tài chính, đăng ký vào hồ sơ địa chính | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.030 | 0.171 | 0.235 | Đây là mục tương đương với mục 8 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 9 | In GCN | In GCN | In GCN |  |  | 1-3 |  |  |  |  |
| 9.1 | Trực tiếp từ cơ sở dữ liệu dạng số | Trực tiếp từ cơ sở dữ liệu dạng số | Trực tiếp từ cơ sở dữ liệu dạng số | GCN | 1KS2 | 1-3 | 0.100 | 0.100 | 0.100 | Đây là mục tương đương với mục 9.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 9.2 | Đối với những nơi chưa có bản đồ dạng số | Đối với những nơi chưa có bản đồ dạng số | Đối với những nơi chưa có bản đồ dạng số | GCN | 1KS2 | 1-3 | 0.150 | 0.200 | 0.200 | Đây là mục tương đương với mục 9.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 9.3 | Chỉnh lý GCN cũ trong trường hợp không cấp GCN mới; xác nhận nội dung biến động vào GCN đã cấp theo quy định | Xác nhận nội dung biến động trên GCN hoặc cấp GCN mới | Xác nhận nội dung biến động trên GCN hoặc cấp GCN mới | GCN | 1KS2 | 1-3 | 0.100 | 0.100 | 0.100 | Đây là mục tương đương với mục 9.3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  | Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp của bên thuê, bên thuê lại đất đối với trường hợp xóa cho thuê, cho thuê lại đất | Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp của bên thuê, bên thuê lại đất đối với trường hợp xóa cho thuê, cho thuê lại đất | GCN | 1KS2 | 1-3 | 0.100 | 0.100 | 0.100 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.010 công KS2 cho việc Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp của bên thuê, bên thuê lại đất đối với trường hợp xóa cho thuê, cho thuê lại đất |
| 10 | Lập và gửi hồ sơ trình ký GCN (đối với trường hợp phải cấp GCN), lập hồ sơ theo dõi việc gửi tài liệu |  |  |  |  |  |  |  |  | Nghị Định 151/NĐ-CP không có nội dung công việc này nên không tính định mức |
| 11 | Nhận lại hồ sơ, GCN, nhập thông tin vào Sổ cấp giấy (đối với trường hợp phải cấp GCN); chỉnh lý hồ sơ địa chính; gửi cho cơ quan quản lý tài sản (nếu có); gửi thông báo biến động cho cấp tỉnh, xã, thị trấn; trả GCN, thu phí, lệ phí, nộp kho bạc | Nhập thông tin vào Sổ cấp giấy; gửi thông báo biến động cho cấp tỉnh, xã, thị trấn; trả GCN, thu phí, lệ phí, nộp kho bạc | Nhập thông tin vào Sổ cấp giấy; gửi thông báo biến động cho cấp tỉnh, xã | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.370 | 0.370 | 0.444 | Đây là mục tương đương với mục 11 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 12 | Nhập bổ sung thông tin dữ liệu về GCN | Nhập bổ sung thông tin dữ liệu về GCN | Nhập bổ sung thông tin dữ liệu về GCN | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.033 | 0.033 | 0.033 | Đây là mục tương đương với mục 12 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 13 | Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin | Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin | Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin |  |  |  |  |  |  |  |
| 13.1 | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất |  |  |  |  |  |  |  |
| 13.1.1 | Quét trang A3 | Quét trang A3 | Quét trang A3 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.016 | 0.016 | 0.020 | Đây là mục tương đương với mục 13.1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 13.1.2 | Quét trang A4 | Quét trang A4 | Quét trang A4 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.008 | 0.008 | 0.010 | Đây là mục tương đương với mục 13.1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 13.2 | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.004 | 0.004 | 0.005 | Đây là mục tương đương với mục 13.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 13.3 | Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu | Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu | Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu | Thửa | 1KS1 | 1-3 | 0.010 | 0.010 | 0.010 | Đây là mục tương đương với mục 13.3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Chuyển Giấy chứng nhận đến Bộ phận một cửa để trao cho người sử dụng đất hoặc chuyển Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc Văn phòng đăng ký đất đai nhận lại GCN cũ đang thế chấp từ tổ chức tín dụng và trao GCN mới | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | 0.050 | 0.065 | Đây là mục tương đương với mục 13 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| **II** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Nhận hồ sơ, ký GCN, chuyển hồ sơ, GCN cho cấp huyện | Nhận hồ sơ, cập nhật cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN XÃ, THỊ TRẤN** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN XÃ, THỊ TRẤN** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN XÃ, THỊ TRẤN** |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất về việc làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho người nhận chuyển quyền |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Xác nhận hiện trạng sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất, xác nhận đất sử dụng ổn định, xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, xác nhận sự phù hợp với quy hoạch |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Chuyển Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai văn bản về xác nhận về tình trạng sạt lở tự nhiên hoặc văn bản về việc tặng cho quyền sử dụng đất |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Địa bàn xã, thị trấn nhận thông báo biến động, chỉnh lý vào HSĐC | Địa bàn xã, thị trấn nhận thông báo biến động, chỉnh lý vào HSĐC | Địa bàn cấp xã nhận thông báo biến động, chỉnh lý vào HSĐC | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.100 | 0.100 | 0.130 | Đây là mục tương đương với mục 1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |

XIII. ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG ĐẤT ĐAI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC, TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI CÓ CHỨC NĂNG NGOẠI GIAO, TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI

*Bảng 15*

| **TT** | **Nội dung công việc (ĐM 14)** | **Nội dung công việc (Luật 2024)** | **Nội dung công việc (NĐ 151/2025)** | **ĐVT** | **Định biên** | **KK** | **Định mức** | | | **Giải trình nội dung xây dựng, sửa đổi, bổ sung** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *(Công nhóm/ĐVT)* | | |
| **ĐM Đất** | **ĐM TS** | **ĐM Đất+TS** |  |
| **I** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Hướng dẫn lập hồ sơ đăng ký biến động đất đai | Hướng dẫn lập hồ sơ đăng ký biến động đất đai | Hướng dẫn lập hồ sơ đăng ký biến động đất đai |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.200 | 0.200 | 0.260 | Đây là mục tương đương với mục 1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 1.2 | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.150 | 0.150 | 0.195 | Đây là mục tương đương với mục 1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 2 | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và viết (xuất) giấy biên nhận hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và viết (xuất) giấy biên nhận hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Nhận, kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hoặc trả lại hồ sơ, vào sổ theo dõi nhận, trả hồ sơ (theo hình thức trực tiếp, trực tuyến) | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.300 | 0.300 | 0.390 | Đây là mục tương đương với mục 2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 3 | Tạo tệp (File) dữ liệu hồ sơ số và nhập thông tin do người sử dụng đất, quản lý đất kê khai, đăng ký | Tạo tệp (File) dữ liệu hồ sơ số và nhập thông tin do người sử dụng đất, quản lý đất kê khai, đăng ký | Tạo tệp (File) dữ liệu hồ sơ số và nhập thông tin do người sử dụng đất, quản lý đất kê khai, đăng ký | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.107 | 0.033 | 0.167 | Đây là mục tương đương với mục 3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  | Quét trang A3 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.016 | 0.020 | 0.024 | Đây là mục tương đương với mục 13.1.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Quét trang A4 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.008 | 0.010 | 0.012 | Đây là mục tương đương với mục 13.1.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  |  | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.004 | 0.005 | 0.006 | Đây là mục tương đương với mục 13.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  | Chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết | Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Theo hình thức trực tiếp | Theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.005 | 0.005 | 0.005 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.05 công KS2 cho việc Chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết Theo hình thức trực tiếp |
|  |  | Theo hình thức trực tuyến | Theo hình thức trực tuyến | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.004 | 0.004 | 0.004 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.04 công KS2 cho việc Chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết Theo hình thức trực tuyến |
| 4 | Kiểm tra hồ sơ, tình trạng pháp lý nội dung kê khai so với hiện trạng, đối chiếu với hồ sơ gốc; kiểm tra thực địa trong trường hợp cần thiết, ghi ý kiến vào hồ sơ; kiểm tra xác nhận sơ đồ tài sản trong trường hợp biến động về tài sản chưa có xác nhận của pháp nhân hành nghề đo đạc, xây dựng và lấy ý kiến cơ quan quản lý tài sản nếu cần thiết | Kiểm tra các điều kiện thực hiện quyền theo quy định của Luật Đất đai đối với trường hợp thực hiện quyền của người sử dụng đất, của chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất. Trường hợp không đủ điều kiện thực hiện quyền theo quy định của Luật Đất đai hoặc nhận được một trong các văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc dừng giải quyết thủ tục thì thông báo lý do và trả hồ sơ. | Kiểm tra các điều kiện thực hiện quyền theo quy định của Luật Đất đai đối với trường hợp thực hiện quyền của người sử dụng đất, của chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất. Trường hợp không đủ điều kiện thực hiện quyền theo quy định của Luật Đất đai hoặc nhận được một trong các văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc dừng giải quyết thủ tục thì thông báo lý do và trả hồ sơ. | Hồ sơ | Nhóm 2 (1KS3, 1KS2) | 1-3 | 2.000 | 2.000 | 2.600 | Đây là mục tương đương với mục 4 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  | Thông báo bằng văn bản cho bên chuyển quyền hoặc thực hiện đăng tin 03 lần trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận diện tích tăng thêm hoặc thông báo cho người sử dụng đất về hủy kết quả đăng ký | Thông báo bằng văn bản cho bên chuyển quyền hoặc thực hiện đăng tin 03 lần trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận diện tích tăng thêm hoặc thông báo cho người sử dụng đất về hủy kết quả đăng ký | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.200 | 0.200 | 0.260 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.2 công KS3 cho việc Thông báo việc đăng tin 03 lần trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương trong thời gian 15 ngày về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp |
|  |  | Hướng dẫn các bên nộp đơn đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định | Hướng dẫn các bên nộp đơn đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.200 | 0.200 | 0.260 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.2 công KS3 cho việc Hướng dẫn các bên nộp đơn đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định |
|  |  | Kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận trước đây, trình cơ quan có thẩm quyền ký, ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc lập biên bản kết luận về nội dung và nguyên nhân sai sót hoặc trình, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận | Kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận trước đây, trình cơ quan có thẩm quyền ký, ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc lập biên bản kết luận về nội dung và nguyên nhân sai sót hoặc trình, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 1.000 | 1.000 | 1.200 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 1 công KS3 cho việc Kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận trước đây, trình cơ quan có thẩm quyền xác định lại diện tích đất ở hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ký, ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc lập biên bản kết luận về nội dung và nguyên nhân sai sót hoặc trình, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận |
|  |  | Xác định giá đất, ký hợp đồng thuê đất đối với bên mua, bên nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê; thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế về việc hết hiệu lực của hợp đồng thuê đất đối với bên bán, bên góp vốn bằng tài sản | Thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế về việc chấm dứt quyền và nghĩa vụ của bên chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong hợp đồng thuê đất | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 1.000 | 1.000 | 1.200 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 1 công KS3 cho việc Xác định giá đất, ký hợp đồng thuê đất (đối với trường hợp: chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức; bên mua, bên nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê); thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế về việc hết hiệu lực của hợp đồng thuê đất đối với bên bán, bên góp vốn bằng tài sản |
| 5 | Nhập ý kiến xác nhận của cấp tỉnh vào tệp (File) dữ liệu hồ sơ số | Nhập ý kiến xác nhận của cấp tỉnh vào tệp (File) dữ liệu hồ sơ số | Nhập ý kiến xác nhận của cấp tỉnh vào tệp (File) dữ liệu hồ sơ số | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.003 | 0.003 | 0.003 | Đây là mục tương đương với mục 5 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 6 | Trích lục thửa đất từ BĐĐC, các loại bản đồ, sơ đồ khác (trường hợp phải trích đo địa chính hoặc chỉnh lý bản đồ thửa đất thì áp dụng định mức theo quy định tại Chương I Phần II) | Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất đối với nơi chưa có bản đồ địa chính | Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất đối với nơi chưa có bản đồ địa chính |  |  |  |  |  |  |  |
| 6.1 | Trích lục trên bản đồ dạng số | Trích lục trên bản đồ dạng số | Trích lục trên bản đồ dạng số | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | 0.000 | 0.050 | Đây là mục tương đương với mục 6.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 6.2 | Trích lục trên bản đồ dạng giấy | Trích lục trên bản đồ dạng giấy | Trích lục trên bản đồ dạng giấy | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.100 | 0.000 | 0.100 | Đây là mục tương đương với mục 6.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 7 | Lập và gửi phiếu chuyển thông tin địa chính cho cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính; nhận và gửi thông báo nghĩa vụ tài chính | Lập và gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có) | Lập và gửi Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có) | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.200 | 0.200 | 0.260 | Đây là mục tương đương với mục 7 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.030 | 0.030 | 0.030 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.030 công KS3 cho việc Chuyển thông tin theo hình thức liên thông |
|  |  | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.040 | 0.040 | 0.040 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.040 công KS3 cho việc Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp |
|  |  | Nhận thông báo của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính | Nhận thông báo của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Chuyển thông tin theo hình thức liên thông | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.040 | 0.040 | 0.040 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.040 công KS2 cho việc Chuyển thông tin theo hình thức liên thông |
|  |  | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.030 | 0.030 | 0.030 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.030 công KS2 cho việc Chuyển thông tin theo hình thức trực tiếp |
| 8 | Nhập thông tin về nghĩa vụ tài chính, đăng ký vào hồ sơ địa chính | Nhập thông tin về nghĩa vụ tài chính, đăng ký vào hồ sơ địa chính | Nhập thông tin về nghĩa vụ tài chính, đăng ký vào hồ sơ địa chính | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.033 | 0.033 | 0.033 | Đây là mục tương đương với mục 8 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 9 | In GCN | In GCN | In GCN |  |  | 1-3 |  |  |  |  |
| 9.1 | Trực tiếp từ cơ sở dữ liệu dạng số | Trực tiếp từ cơ sở dữ liệu dạng số | Trực tiếp từ cơ sở dữ liệu dạng số | GCN | 1KS2 | 1-3 | 0.100 | 0.100 | 0.100 | Đây là mục tương đương với mục 9.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 9.2 | Đối với những nơi chưa có bản đồ dạng số | Đối với những nơi chưa có bản đồ dạng số | Đối với những nơi chưa có bản đồ dạng số | GCN | 1KS2 | 1-3 | 0.150 | 0.200 | 0.200 | Đây là mục tương đương với mục 9.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 9.3 | Chỉnh lý GCN cũ trong trường hợp không cấp GCN mới; xác nhận nội dung biến động vào GCN đã cấp theo quy định | Xác nhận nội dung biến động trên GCN hoặc cấp GCN mới | Xác nhận nội dung biến động trên GCN hoặc cấp GCN mới | GCN | 1KS2 | 1-3 | 0.100 | 0.100 | 0.100 | Đây là mục tương đương với mục 9.3 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
|  |  | Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp của bên thuê, bên thuê lại đất đối với trường hợp xóa cho thuê, cho thuê lại đất | Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp của bên thuê, bên thuê lại đất đối với trường hợp xóa cho thuê, cho thuê lại đất | GCN | 1KS2 | 1-3 | 0.100 | 0.100 | 0.100 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.100 công KS2 cho việc Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp của bên thuê, bên thuê lại đất đối với trường hợp xóa cho thuê, cho thuê lại đất |
| 10 | Lập và gửi hồ sơ trình ký GCN (đối với trường hợp phải cấp GCN), lập hồ sơ theo dõi việc gửi tài liệu |  |  |  |  |  |  |  |  | Nghị Định 151/NĐ-CP không có nội dung công việc này nên không tính định mức |
| 11 | Nhận lại hồ sơ, GCN, nhập thông tin vào Sổ cấp giấy (đối với trường hợp phải cấp GCN); chỉnh lý hồ sơ địa chính; gửi cho cơ quan quản lý tài sản (nếu có); gửi thông báo biến động cho cấp huyện, xã, thị trấn; trả GCN, thu phí, lệ phí, nộp kho bạc | Nhập thông tin vào Sổ cấp giấy; gửi thông báo biến động cho cấp tỉnh, xã, thị trấn; trả GCN, thu phí, lệ phí, nộp kho bạc | Nhập thông tin vào Sổ cấp giấy; gửi thông báo biến động cho cấp tỉnh, xã | Hồ sơ | 1KS3 | 1-3 | 0.370 | 0.370 | 0.444 | Đây là mục tương đương với mục 11 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 12 | Nhập bổ sung thông tin dữ liệu về GCN | Nhập bổ sung thông tin dữ liệu về GCN | Nhập bổ sung thông tin dữ liệu về GCN | Thửa | 1KS3 | 1-3 | 0.033 | 0.033 | 0.033 | Đây là mục tương đương với mục 12 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 13 | Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin | Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin | Quét giấy tờ pháp lý và xử lý tập tin |  |  | 1-3 |  |  |  |  |
| 13.1 | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất | Quét giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất |  |  | 1-3 |  |  |  |  |
| 13.1.1 | Quét trang A3 | Quét trang A3 | Quét trang A3 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.016 | 0.016 | 0.020 |  |
| 13.1.2 | Quét trang A4 | Quét trang A4 | Quét trang A4 | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.008 | 0.008 | 0.010 |  |
| 13.2 | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Xử lý các tệp tin quét thành tệp (File) hồ sơ quét dạng số của thửa đất, lưu trữ dưới khuôn dạng tệp tin PDF | Trang | 1KS1 | 1-3 | 0.004 | 0.004 | 0.005 |  |
| 13.3 | Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu | Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu | Tạo liên kết hồ sơ quét dạng số với thửa đất trong cơ sở dữ liệu | Thửa | 1KS1 | 1-3 | 0.010 | 0.010 | 0.010 |  |
|  |  |  | Chuyển Giấy chứng nhận đến Bộ phận một cửa để trao cho người sử dụng đất hoặc chuyển Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc Văn phòng đăng ký đất đai nhận lại GCN cũ đang thế chấp từ tổ chức tín dụng và trao GCN mới | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.050 | 0.050 | 0.065 |  |
| **II** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Cấp huyện nhận thông báo, cập nhật HSĐC | Cấp huyện nhận thông báo, cập nhật HSĐC |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN XÃ, THỊ TRẤN** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP XÃ** | **CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN TẠI ĐỊA BÀN CẤP XÃ** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Địa bàn xã, thị trấn (đối với những nơi chưa xây dựng CSDL) nhận thông báo, cập nhật HSĐC | Địa bàn xã, thị trấn (đối với những nơi chưa xây dựng CSDL) nhận thông báo, cập nhật HSĐC | Địa bàn cấp xã (đối với những nơi chưa xây dựng CSDL) nhận thông báo, cập nhật HSĐC | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.100 | 0.100 | 0.130 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.100 công KS2 cho việc Địa bàn xã, thị trấn (đối với những nơi chưa xây dựng CSDL) nhận thông báo, cập nhật HSĐC |
| 2 |  | Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất về việc làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho người nhận chuyển quyền | Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất về việc làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho người nhận chuyển quyền | Hồ sơ | 1KTV4 | 1-3 | 0.060 | 0.060 | 0.078 | Đây là nội dung công việc mới theo quy định tại Nghị Định 151/NĐ-CP, Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng 0.060 công KTV4 cho việc Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất về việc làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho người nhận chuyển quyền |
| 3 |  | Chuyển Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai văn bản về xác nhận về tình trạng sạt lở tự nhiên hoặc văn bản về việc tặng cho quyền sử dụng đất | Chuyển Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai văn bản về xác nhận về tình trạng sạt lở tự nhiên hoặc văn bản về việc tặng cho quyền sử dụng đất | Hồ sơ | 1KS2 | 1-3 | 0.100 | 0.100 | 0.150 | Đây là mục tương đương với mục 1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |

XV. TRÍCH LỤC HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH

*Bảng 16*

| **Thông tư 14/2017/TT-BTNMT ngày 20/7/2017** | | | | | **Dự thảo Định mức: Đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất** | | | | | **So sánh** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc** | **ĐVT** | **Định biên** | **Định mức** *(công nhóm/ĐVT* | **STT** | **Nội dung công việc** | **ĐVT** | **Định biên** | **Định mức** *(công nhóm/ĐVT* |
| 1 | Nhận, trả hồ sơ, thu phí, lệ phí | Hồ sơ | 1KS2 | 0,100 | 1 | Nhận, trả hồ sơ, thu phí, lệ phí | Hồ sơ | 1KS2 | 0,100 | Đây là mục tương đương với mục 1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 2 | Trích lục thửa đất |  |  |  | 2 | Trích lục thửa đất |  |  |  |  |
| 2,1 | Trích lục từ hồ sơ địa chính số | Hồ sơ | 1KS2 | 0,050 | 2,1 | Trích lục từ hồ sơ địa chính số | Hồ sơ | 1KS2 | 0,050 | Đây là mục tương đương với mục 2.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 2,2 | Trích sao từ hồ sơ địa chính giấy | Hồ sơ | 1KS2 | 0,100 | 2,2 | Trích sao từ hồ sơ địa chính giấy | Hồ sơ | 1KS2 | 0,100 | Đây là mục tương đương với mục 2.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 3 | Trích sao thông tin địa chính |  |  |  | 3 | Trích sao thông tin địa chính |  |  |  |  |
| 3,1 | Trích sao từ hồ sơ địa chính số | Hồ sơ | 1KS2 | 0,050 | 3,1 | Trích sao từ hồ sơ địa chính số | Hồ sơ | 1KS2 | 0,050 | Đây là mục tương đương với mục 3.1 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |
| 3,2 | Trích sao từ hồ sơ địa chính giấy | Hồ sơ | 1KS2 | 0,100 | 3,2 | Trích sao từ hồ sơ địa chính giấy | Hồ sơ | 1KS2 | 0,100 | Đây là mục tương đương với mục 3.2 của Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT. Qua công tác kế thừa, tính thử, làm thử thì mức công áp dụng theo Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT là phù hợp. Vì vậy áp dụng định biên và mức công không thay đổi so với định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT |